

GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ XƯƠNG

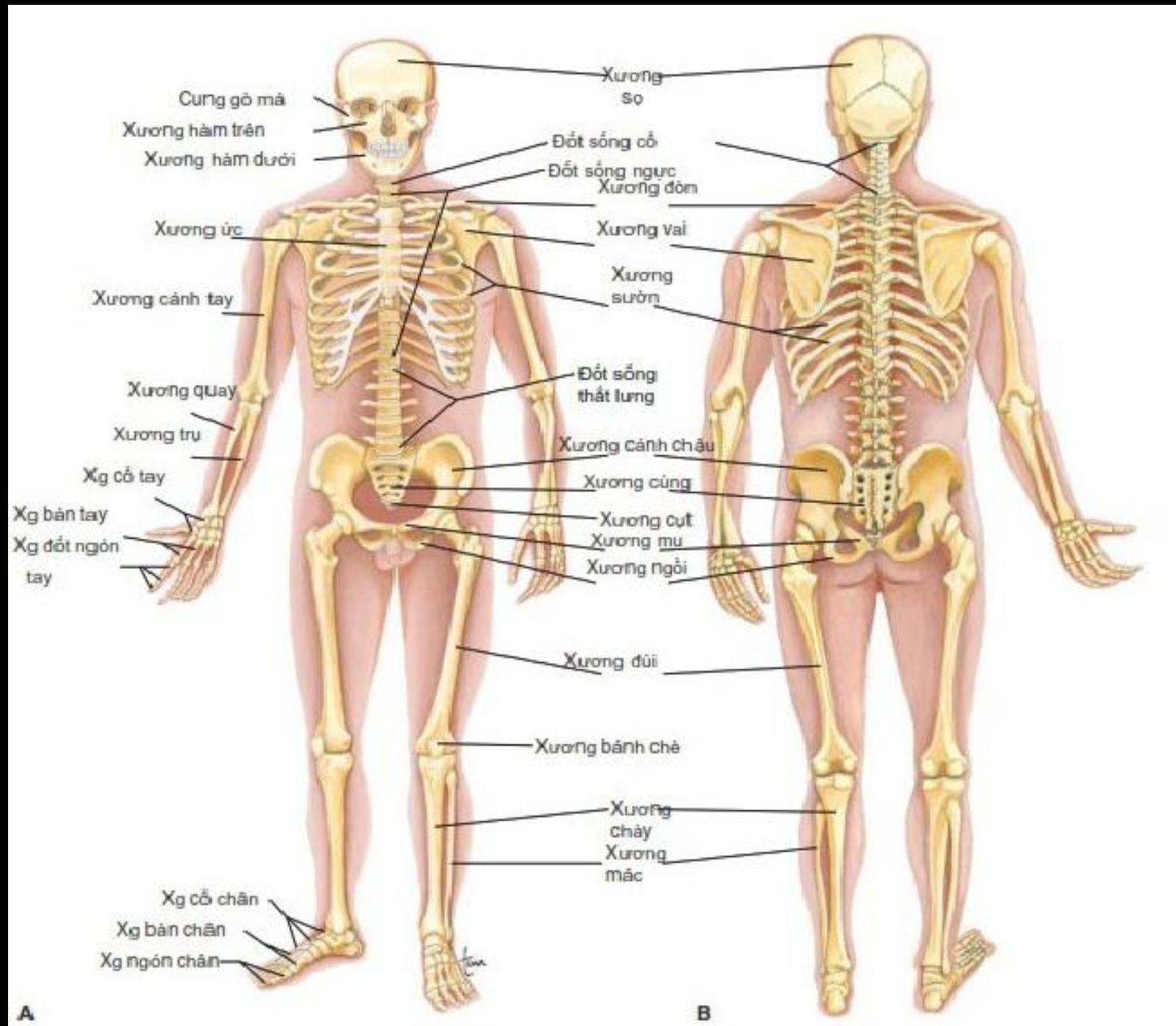
MỤC TIÊU

1. Nêu các thành phần và chức năng chính của bộ xương người.
2. Kể tên và vị trí các xương trên cơ thể người.
3. Phân biệt được các loại khớp.

ĐẠI CƯƠNG

- Bộ xương người có 206 xương
- Chia làm các vùng:
 - ❖ Xương đầu mặt cổ.
 - ❖ Xương thân mình.
 - ❖ Xương tứ chi.

HỆ XƯƠNG



HỆ XƯƠNG

XƯƠNG TRỤC



- Xương đầu mặt
- Cột sống
- Xương sườn
- Xương ức

80 xương

XƯƠNG PHỤ

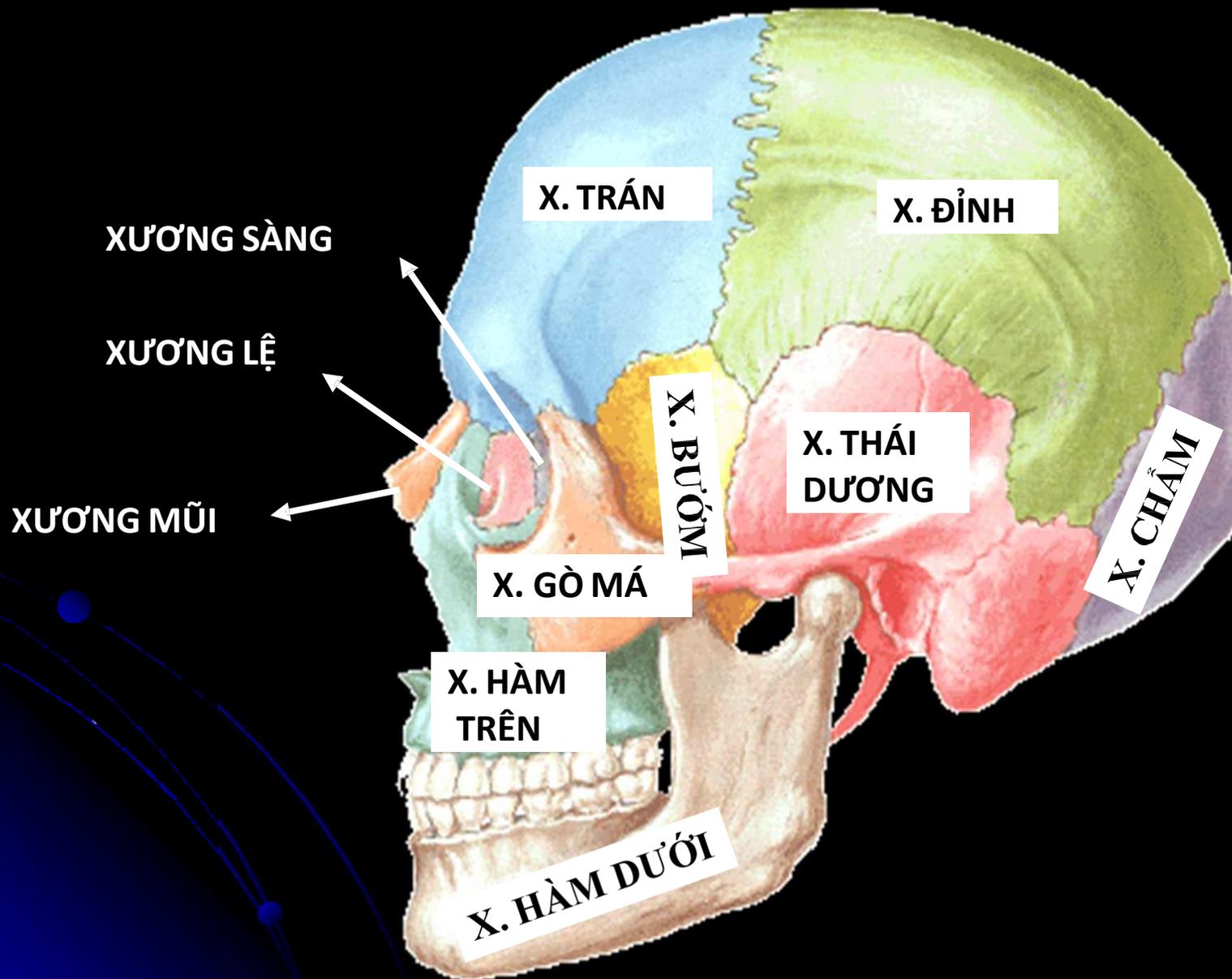


- Xương chi trên
- Xương chi dưới

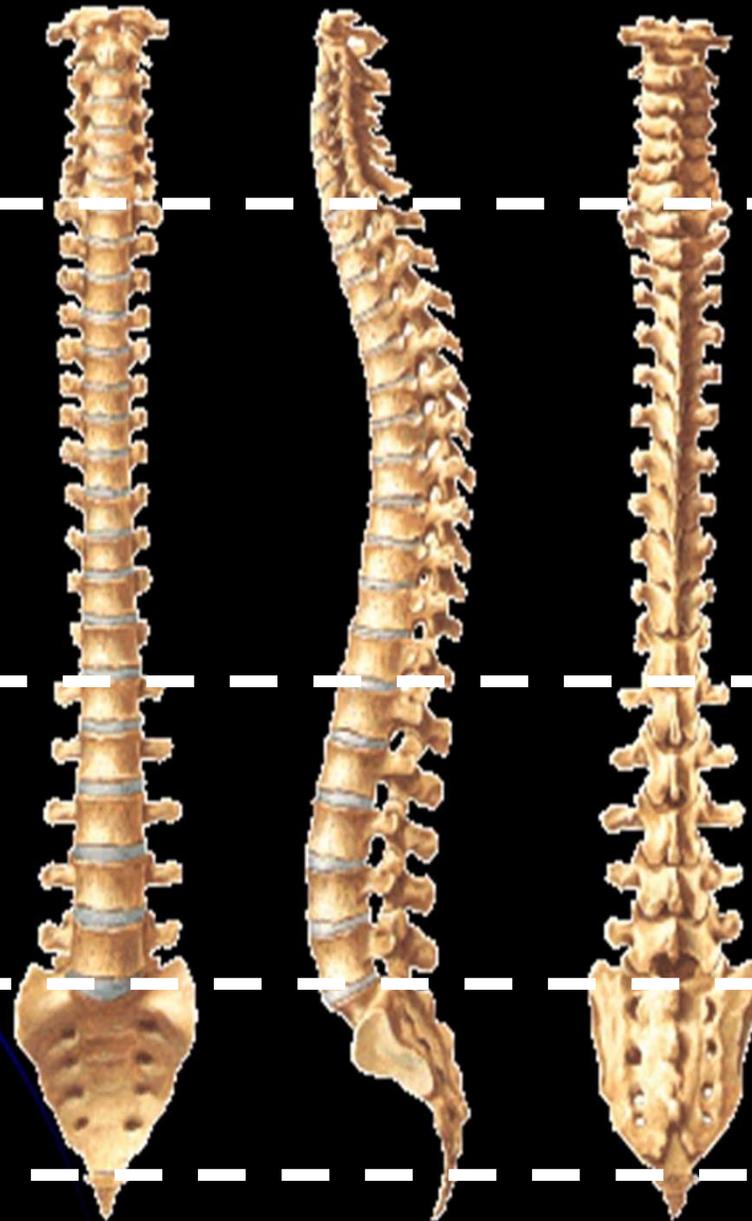
126 xương

206 xương

XƯƠNG ĐẦU MẶT



XƯƠNG CỘT SỐNG



ĐỐT SỐNG CỔ CỘ
(C1-C7)

ĐỐT SỐNG NGỰC CỘ
(D1-D12)

ĐỐT SỐNG THẮT ẤT LƯNG
(L1-L5)

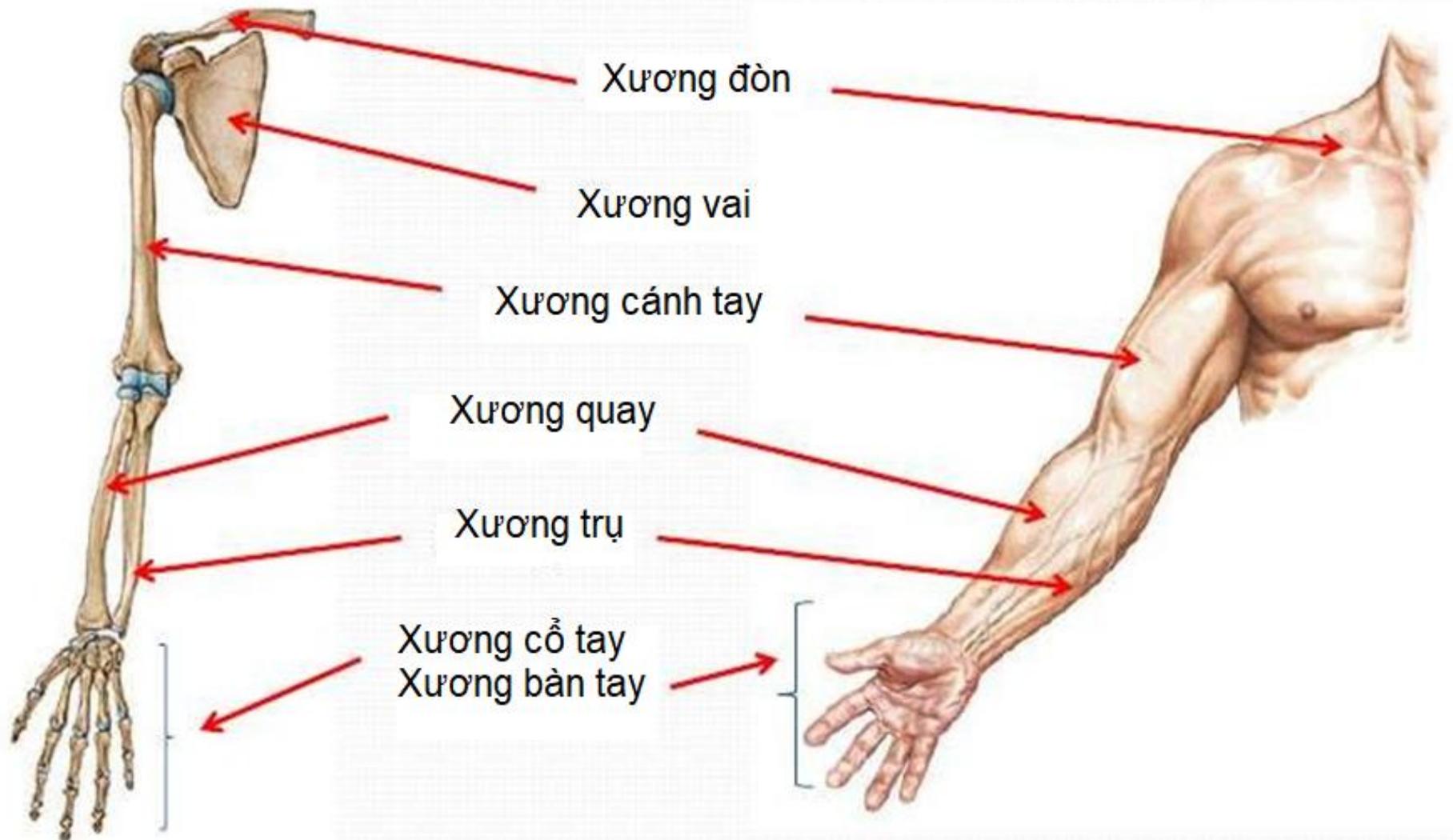
ĐỐT SỐNG CÙNG CỘ
(S1-S5)

ĐỐT SỐNG CỤT ỤT
(Cox 4-6)

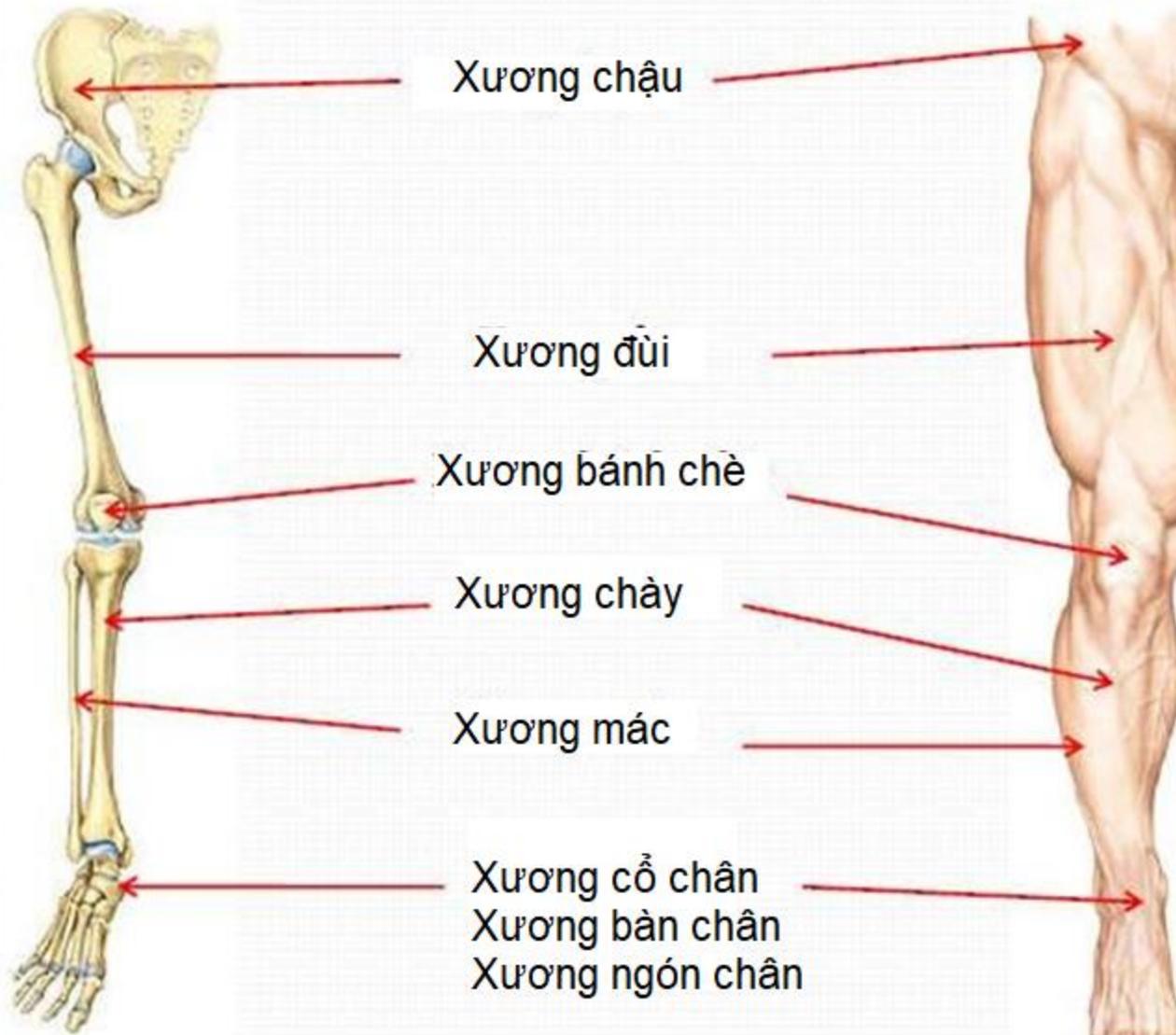
XƯƠNG THÂN



XƯƠNG CHI TRÊN

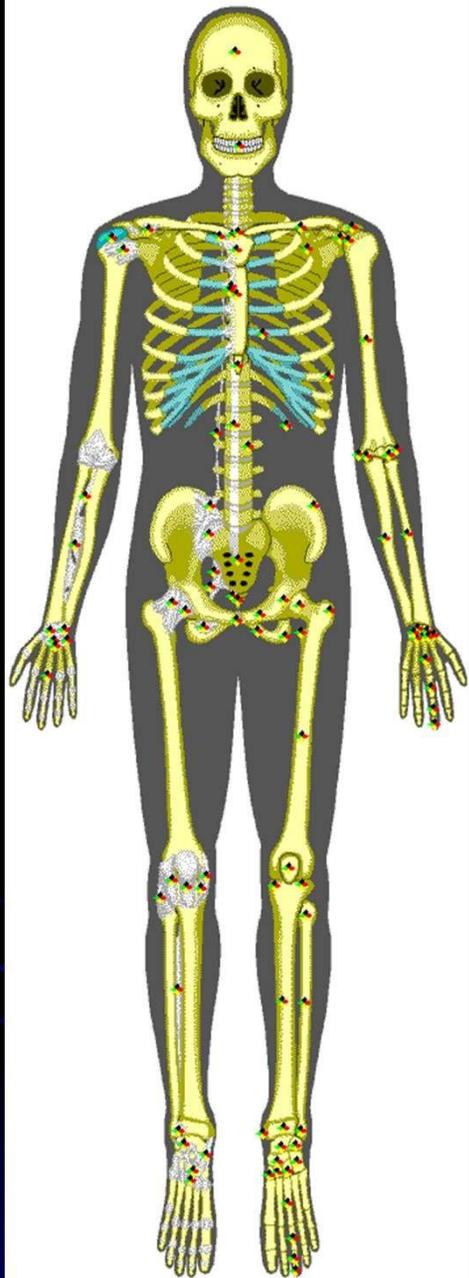


XƯƠNG CHI DƯỚI



CHỨC NĂNG

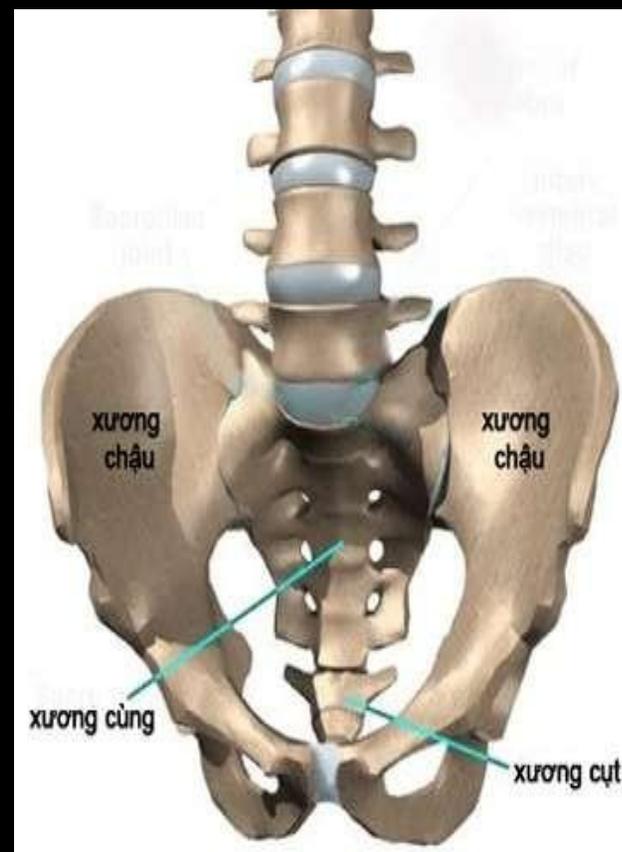
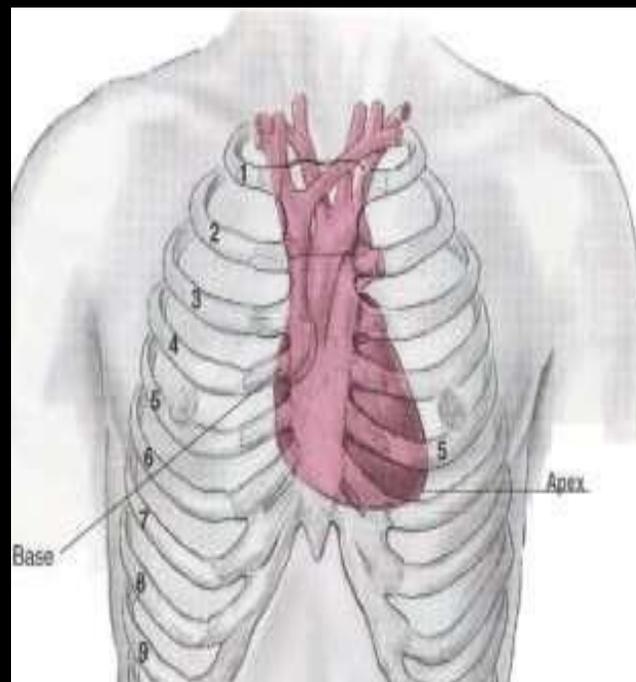
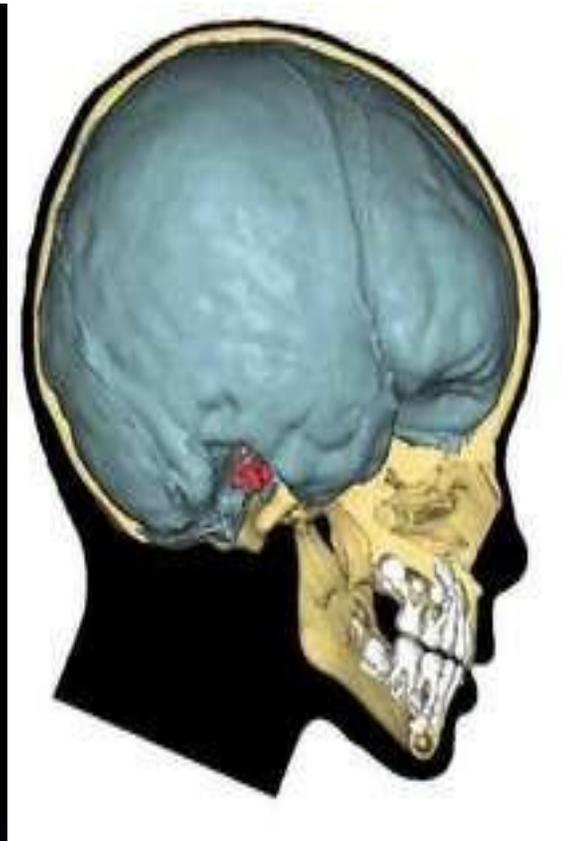
- Bộ xương có bốn chức năng chính
- **NÂNG ĐŨ**: Một khung cứng để nâng đỡ và tạo chỗ bám cho các cơ.
- ❖ Xương tứ chi.
- ❖ Cột sống.



CHỨC NĂNG

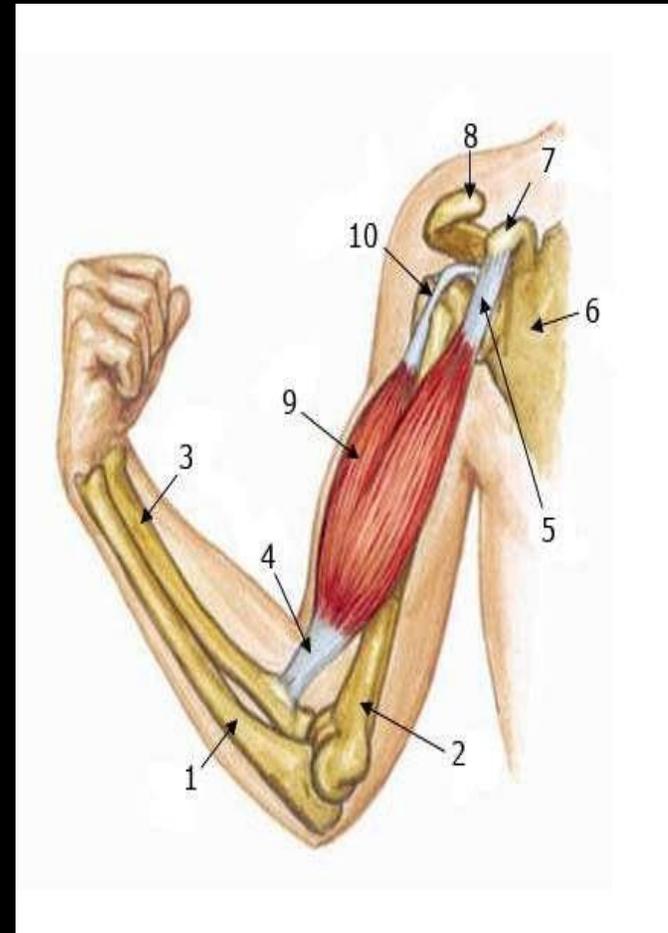
- **BẢO VỆ**

- ❖ Các xương đầu mặt cổ tạo thành hộp sọ che chở cho não bộ
- ❖ Lồng ngực bảo vệ tim, phổi.
- ❖ Khung chậu bảo vệ bàng quang, tử cung



CHỨC NĂNG

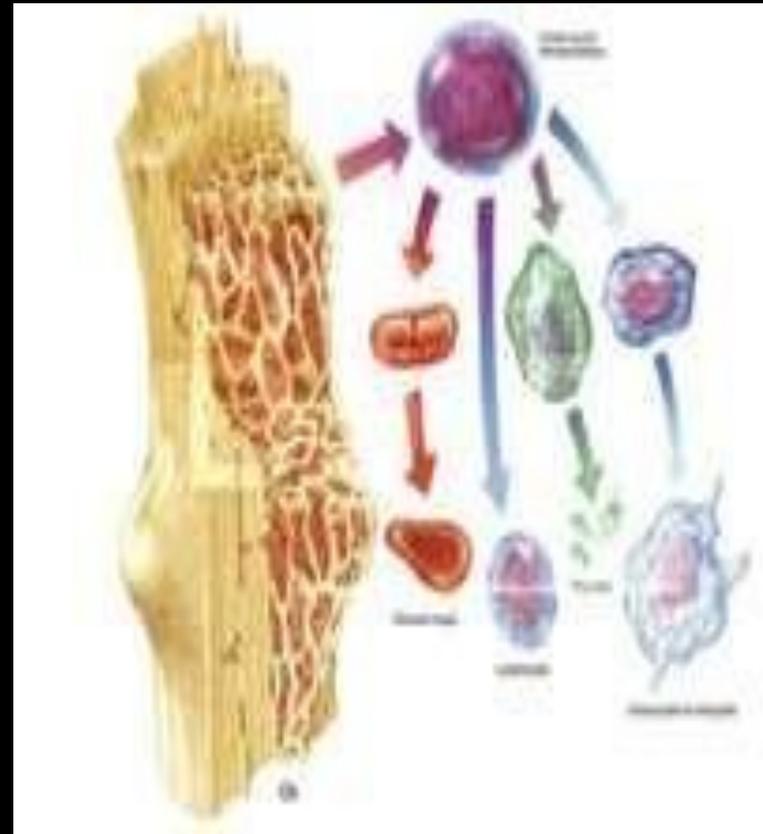
- **VẬN ĐỘNG:**
 - ❖ Các cơ bám vào xương nên khi cơ co sẽ tạo cử động quanh khớp.



CHỨC NĂNG

- **TẠO MÁU VÀ TRAO ĐỔI CÁC CHẤT :**

- ❖ Tủy xương tạo ra hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.
- ❖ Đồng thời xương cũng là nơi dự trữ và trao đổi mỡ, canxi, phospho.

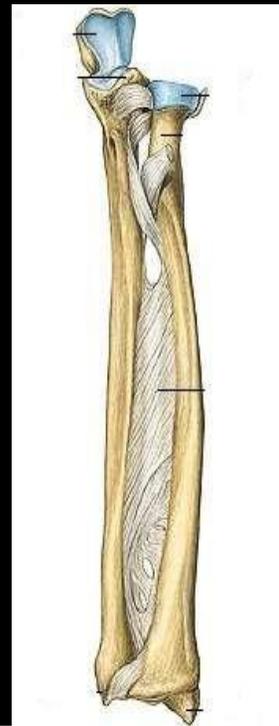


PHÂN LOẠI

- THEO HÌNH THỂ NGOÀI
- Xương dài:



X. Cánh tay



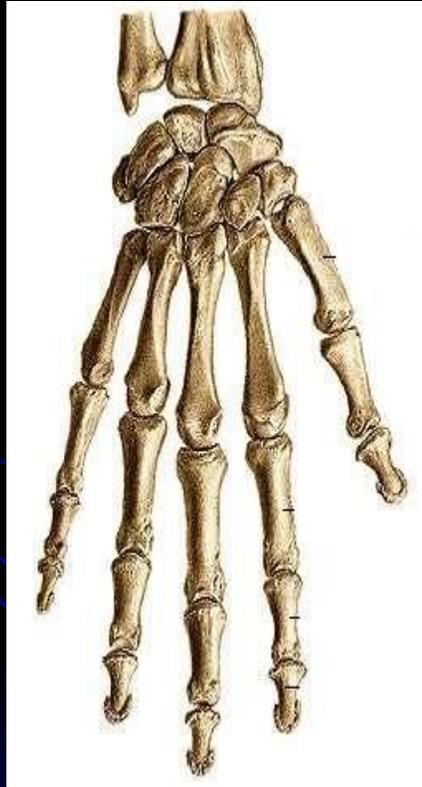
X. Cẳng tay



X. Đùi

PHÂN LOẠI

- THEO HÌNH THỂ NGOÀI
- Xương ngắn:



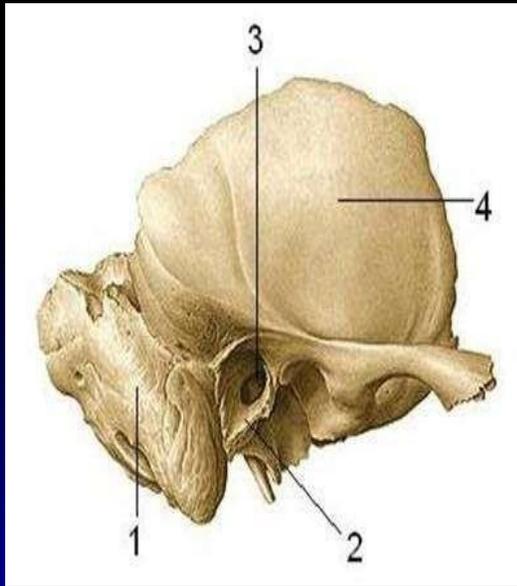
X. cổ tay



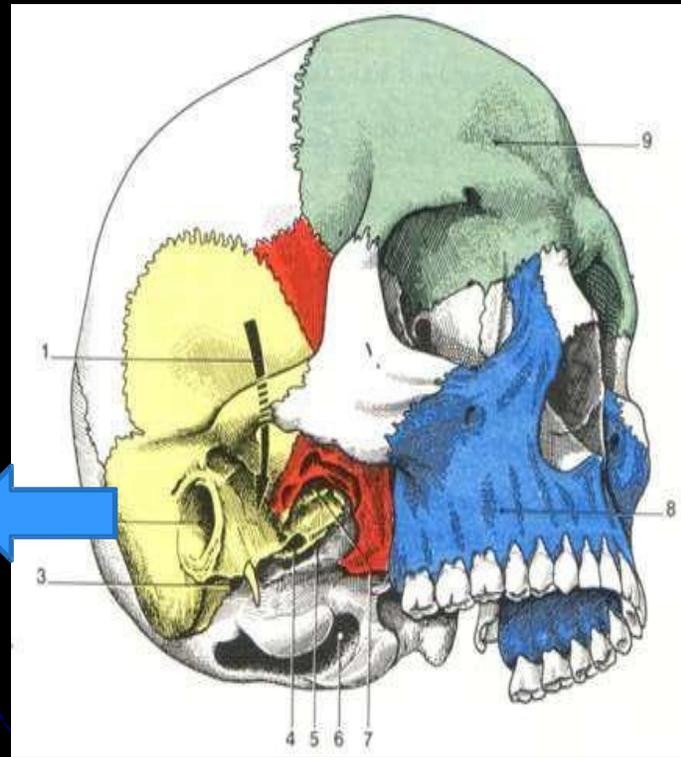
X. cổ chân

PHÂN LOẠI

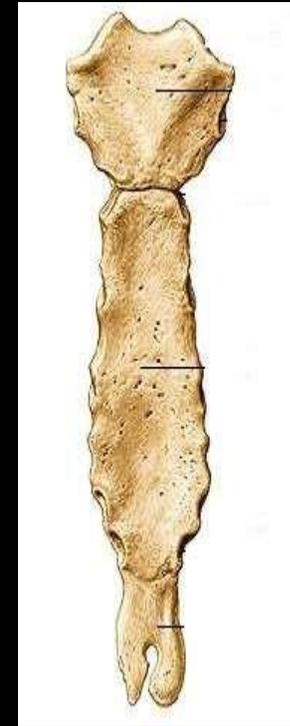
- THEO HÌNH THỂ NGOÀI
- Xương dẹt:



X. Thái dương



X. Vòm sọ

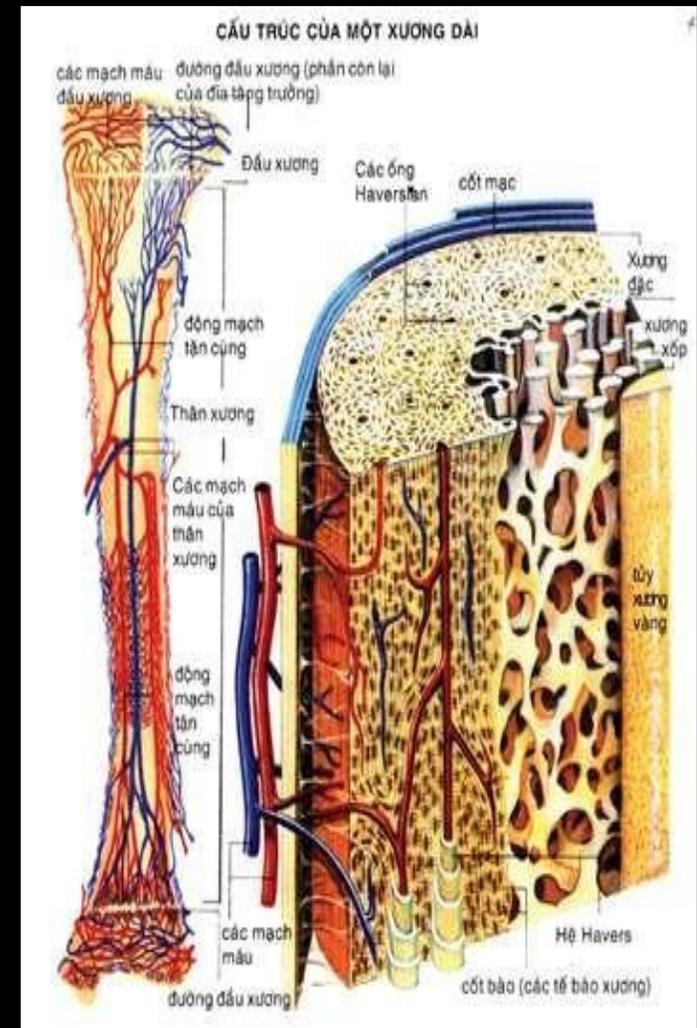


X. Úc

CẤU TRÚC

- **MẠCH MÁU VÀ THẦN KINH**

- ❖ Chui qua các lỗ xương để nuôi xương và cảm giác cho xương.



ĐẠI CƯƠNG VỀ KHỚP

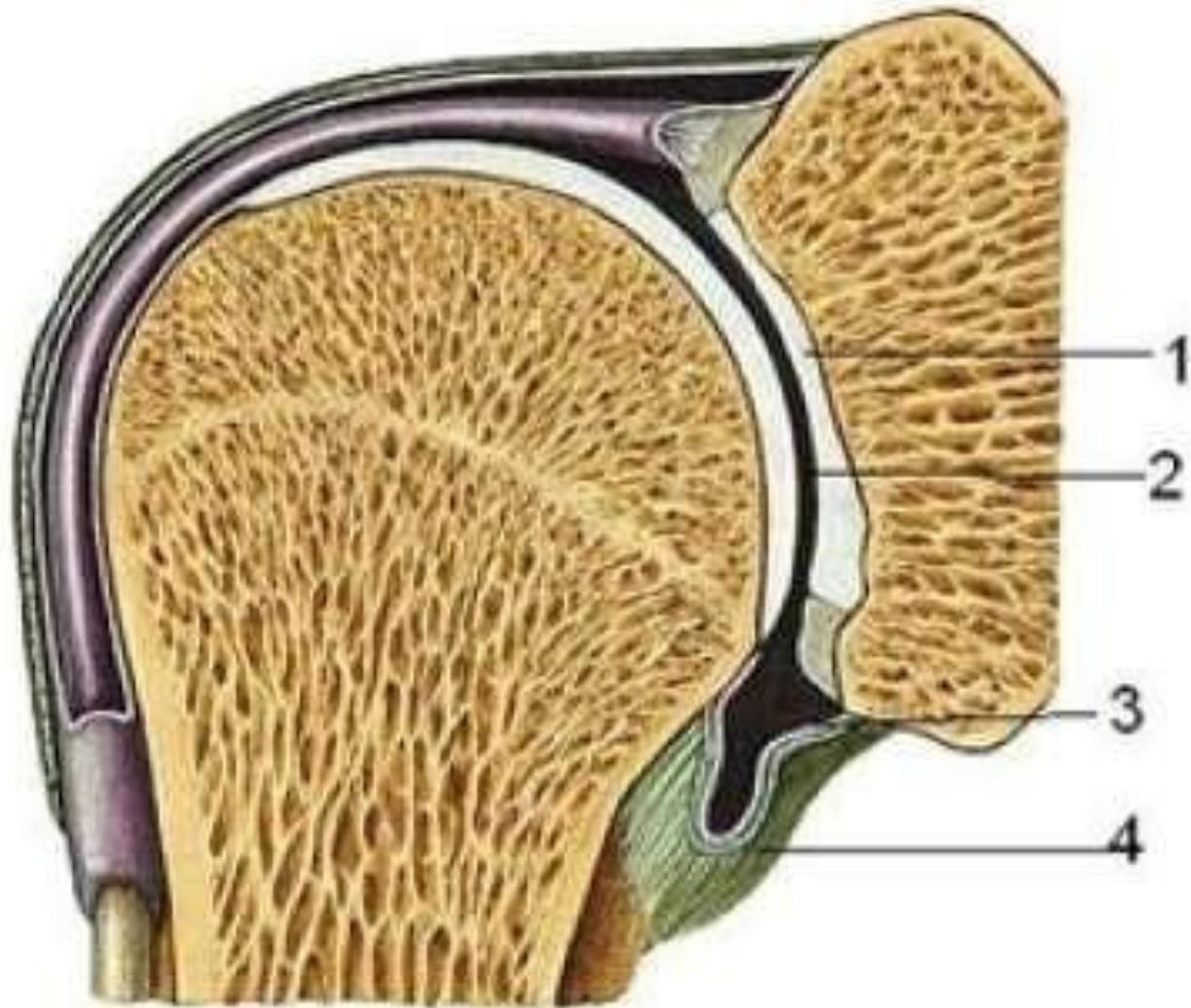
PHÂN LOẠI

Dựa vào mức độ vận động chia khớp làm 3 loại:

- Khớp bất động
- Khớp bán động
- Khớp động hay còn gọi là khớp hoạt dịch

CẤU TẠO KHỚP ĐỘNG

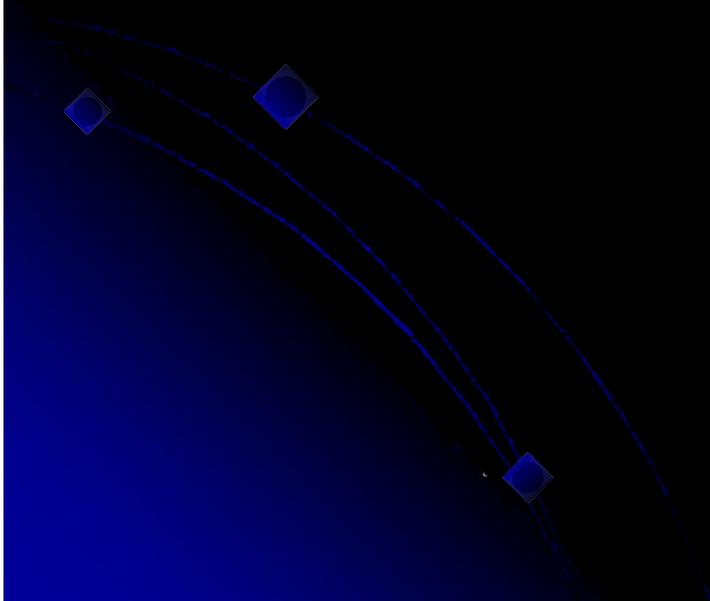
-  Mặt khớp: được phủ bởi sụn khớp.
-  Phương tiện nối khớp: bao khớp và dây chằng.
-  Ổ khớp: giới hạn bởi các mặt khớp và bao khớp



Hình. Khớp hoạt dịch

1. Sụn khớp 2. Ổ khớp 3. Bao hoạt dịch 4. Bao khớp

XƯƠNG ĐẦU MẶT CỔ

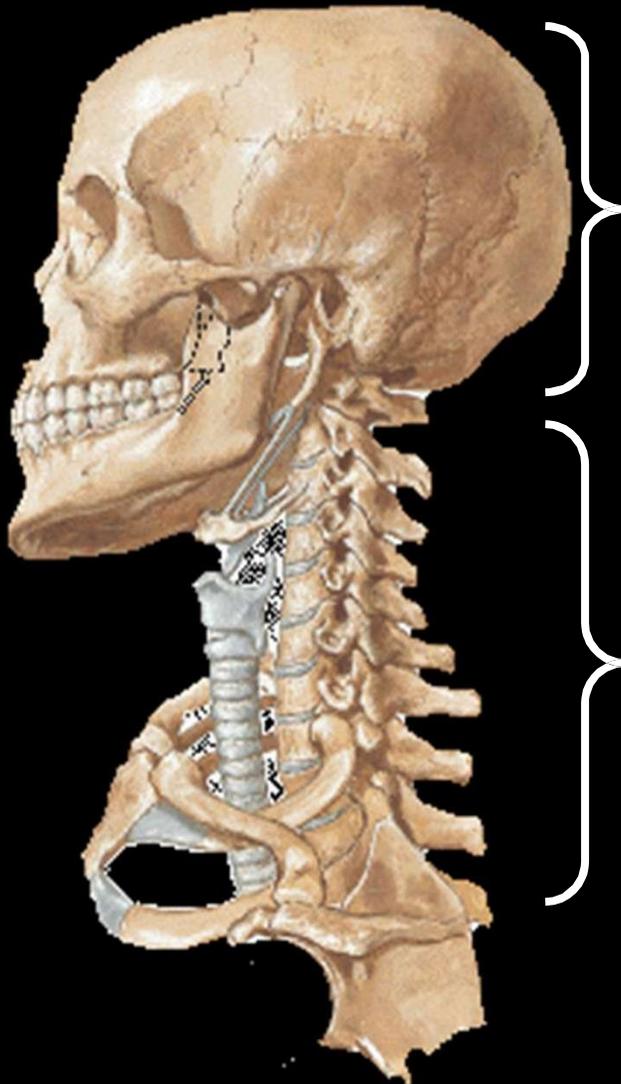


XƯƠNG ĐẦU MẶT

-Gồm 22 xương:
ngoại trừ xương

Hàm dưới, 21 xương
khác nối bởi khớp bất
động

-Chia thành: xương sọ
và xương mặt



XƯƠNG ĐẦU MẶT

XƯƠNG CỘT SỐNG

XƯƠNG ĐẦU MẶT

XƯƠNG SỌ (15)

XƯƠNG TRÁN (1)

XƯƠNG THÁI DƯƠNG (2)

XƯƠNG SÀNG (1)

XƯƠNG ĐỈNH (2)

XƯƠNG BướM (1)

XƯƠNG XOĂN MŨI DƯỚI (2)

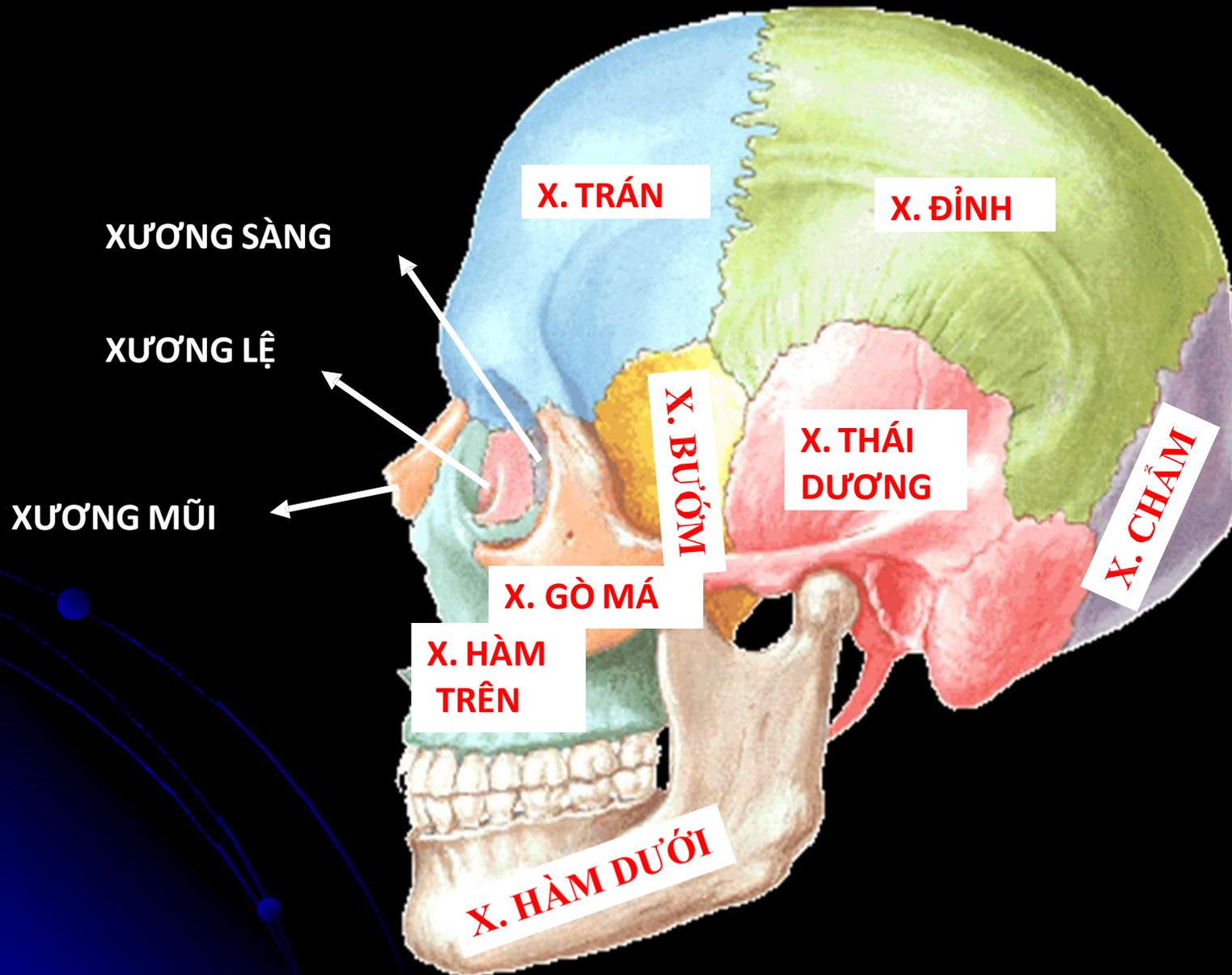
XƯƠNG GLÁ MÍA (1)

XƯƠNG LỆ (2)

XƯƠNG CHẤM (1)

XƯƠNG MŨI (2)

XƯƠNG ĐẦU MẶT



XƯƠNG ĐẦU MẶT

XƯƠNG MẶT (8)

XƯƠNG KHẨU CÁI (2)

XƯƠNG HÀM DƯỚI (1)

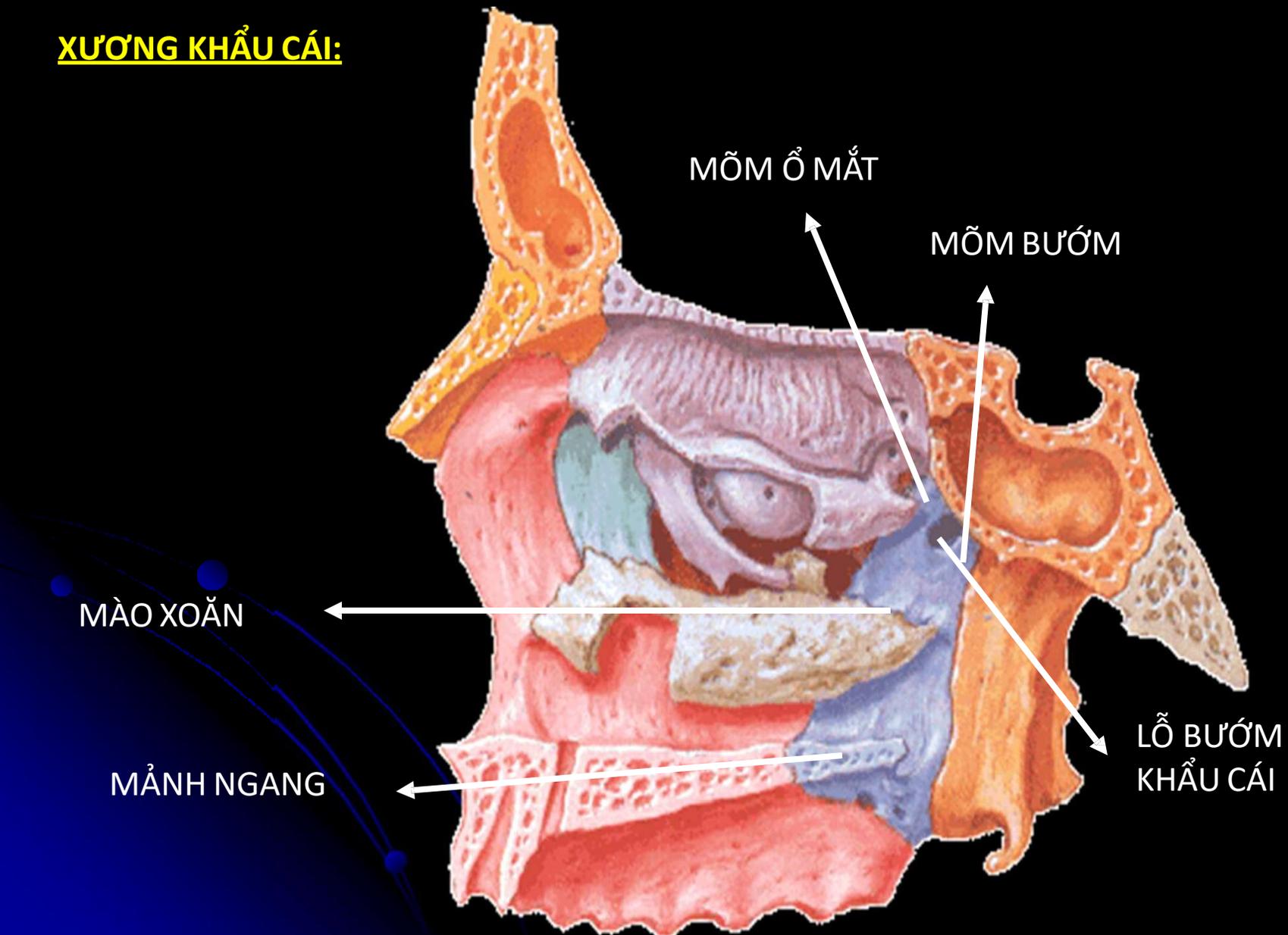
XƯƠNG GÒ MÁ (2)

XƯƠNG MÓNG (1)

XƯƠNG HÀM TRÊN (2)

XƯƠNG ĐẦU MẶT

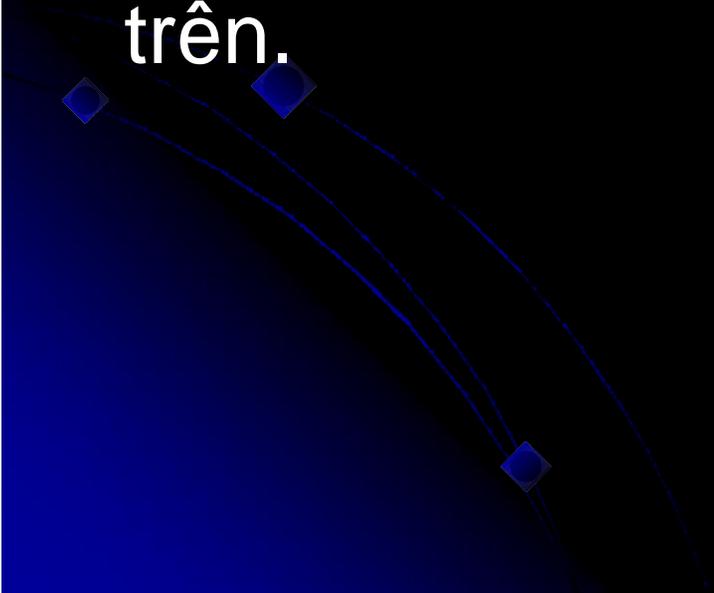
XƯƠNG KHẨU CÁI:



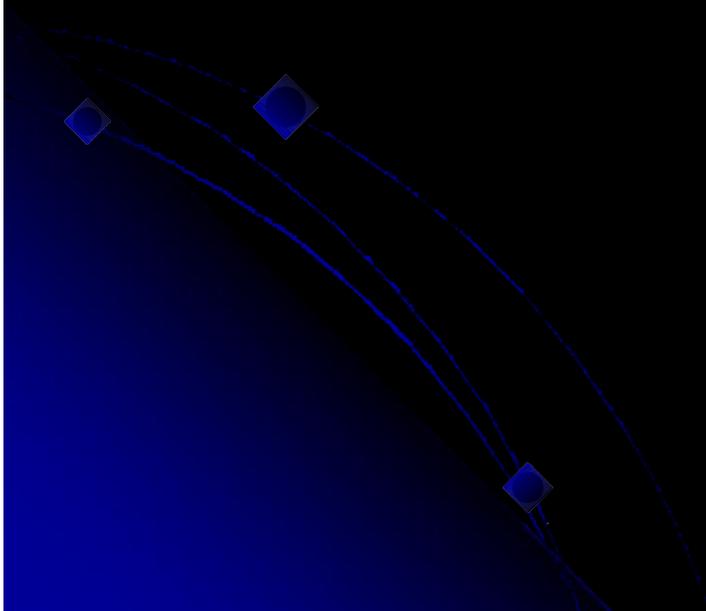
XƯƠNG ĐẦU MẶT

XƯƠNG MÓNG:

- Ngang mức C4, có rất nhiều cơ bám nhưng không tiếp khớp với bất cứ xương nào khác.
- Xương móng gồm một thân và hai đôi sừng: sừng lớn hướng ra sau, sừng nhỏ hướng lên trên.

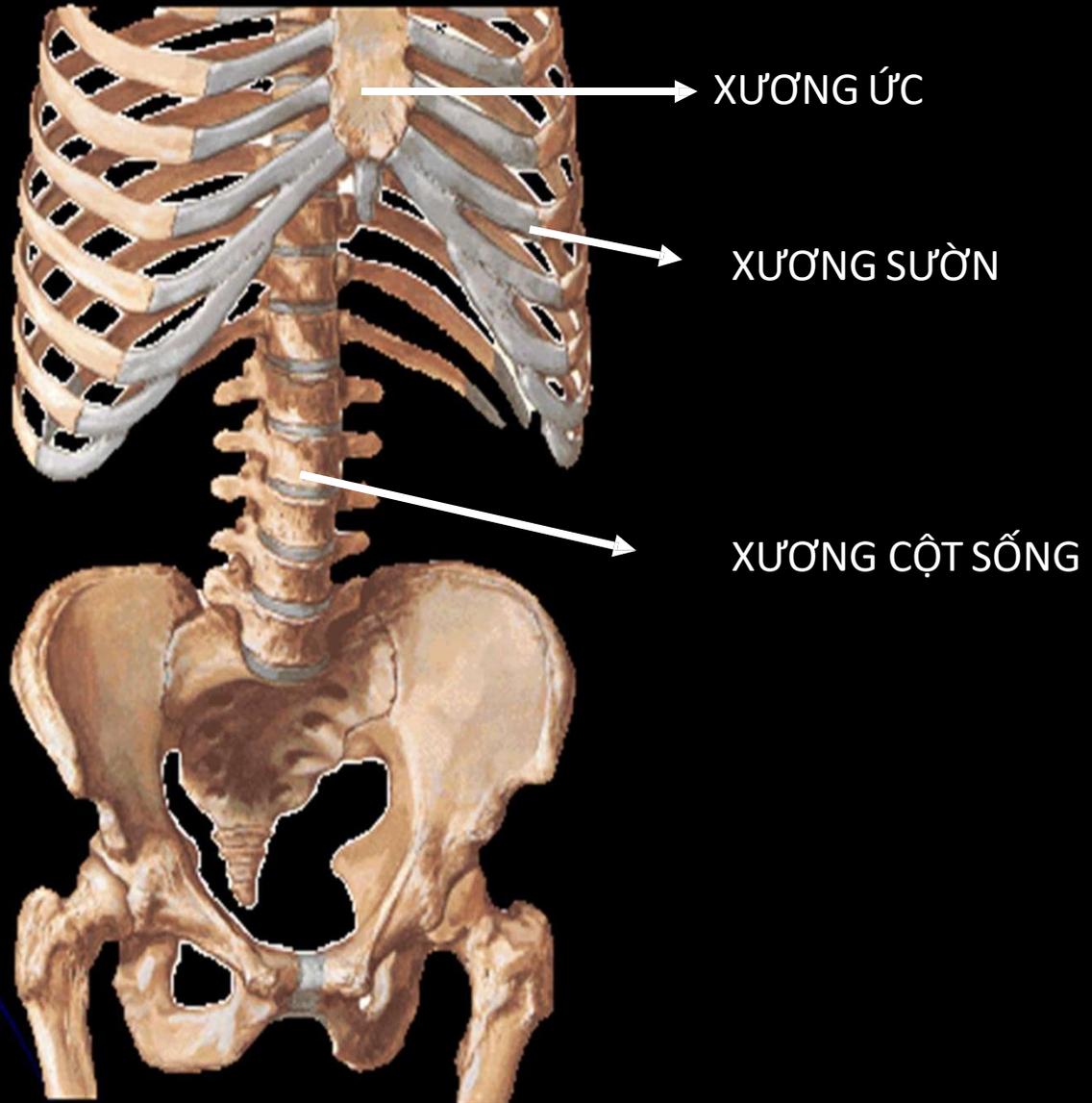


XƯƠNG THÂN MÌNH



XƯƠNG THÂN

CẤU TẠO:



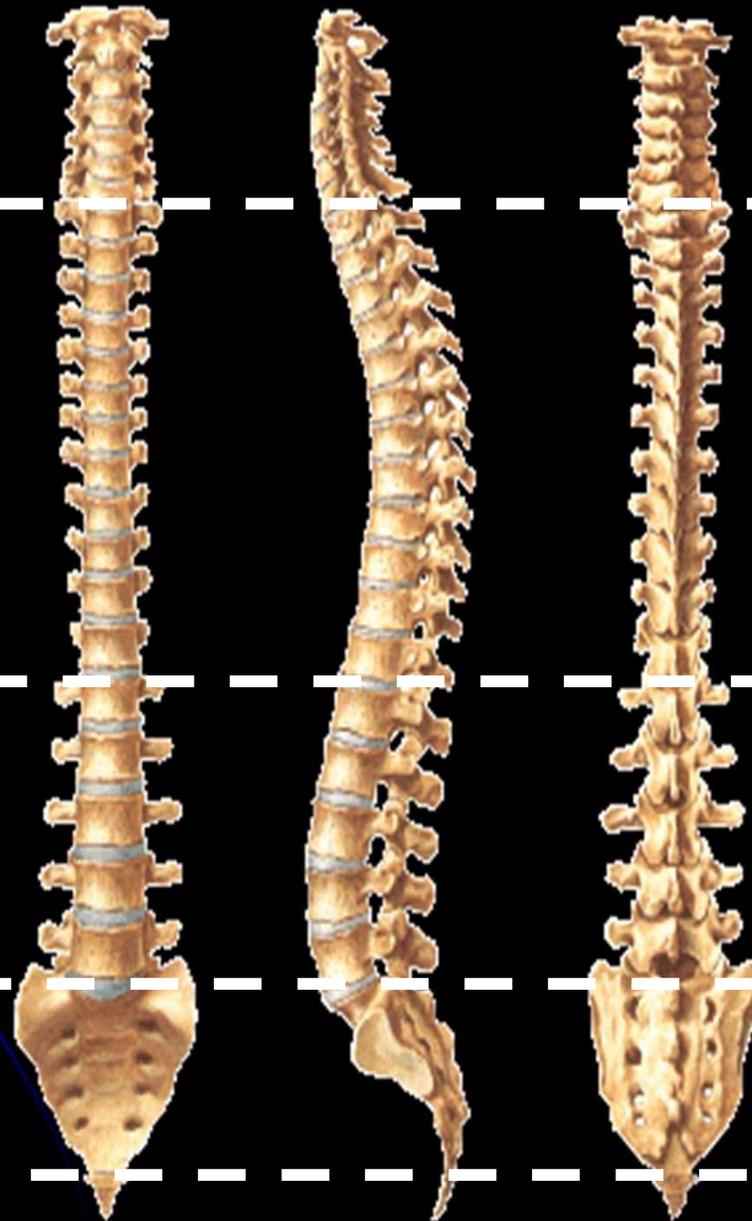
XƯƠNG THÂN

4. Xương cột sống

Nhiệm vụ: nâng đỡ, vận động và bảo vệ tủy sống Có từ 33 đến 35 đốt sống gồm:

- ❖ 7 đốt sống cổ.
- ❖ 12 đốt ngực
- ❖ 5 đốt thắt lưng.
- ❖ 5 đốt x.cùng dính vào nhau
- ❖ 4 - 6 đốt sống cuối cùng dính nhau tạo thành x. cụt

XƯƠNG CỘT SỐNG



ĐỐT SỐNG CỔ CỘ
(C1-C7)

ĐỐT SỐNG NGỰC CỘ
(D1-D12)

ĐỐT SỐNG THẮT ẤT LƯNG
(L1-L5)

ĐỐT SỐNG CÙNG CỘ
(S1-S5)

ĐỐT SỐNG CỤT ỤT
(Cox 4-6)

XƯƠNG THÂN

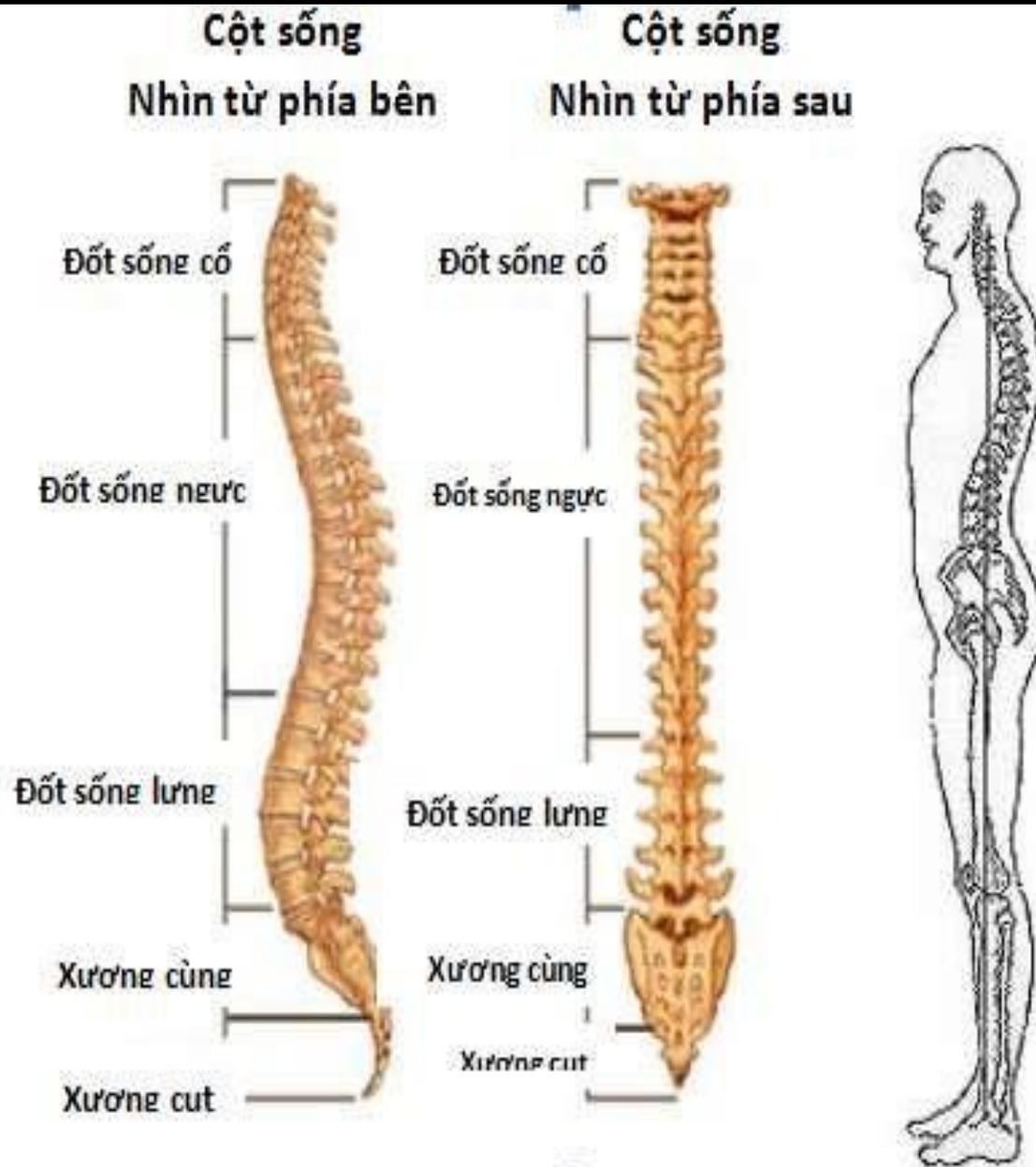
4- XƯƠNG CỘT SỐNG:

Các đoạn cong của cột sống:

- ❖ Nhìn trước sau cột sống trông thẳng đứng.
- ❖ Nhìn nghiêng, cột sống có 4 đoạn cong lồng lồng xen kẽ nhau:

Đoạn cổ và đoạn thắt lưng cong lồng ra trước. Đoạn ngực và đoạn cùng cụt cong lồng ra sau.

XƯƠNG CỘT SỐNG



XƯƠNG THÂN

XƯƠNG CỘT SỐNG:

- **Cấu tạo đốt sống:**
- Thân đốt hai mặt lõm để tiếp giáp với các đốt sống trên và dưới qua các đĩa đệm.
- Cấu tạo một đốt sống gồm:
 - ❖ Thân sống
 - ❖ Cung sống
 - ❖ Các mỏm: mỏm ngang, mỏm gai, mỏm khớp
 - ❖ Lỗ đốt sống.

XƯƠNG THÂN

4- XƯƠNG CỘT SỐNG:

4.1- ĐẶC ĐIỂM CHUNG:

LỖ GIAN ĐỐT SỐNG
Thần kinh gai sống đi qua



KHUYẾT SỐNG DƯỚI

KHUYẾT SỐNG TRÊN

Lỗ đốt
sống do
thân và
cung
đốt
sống
tạo nên

Ống sống chứa tủy và
các dây thần kinh

Lỗ liên hợp,
nơi các rễ thần
kinh thoát ra

Khớp giữa các
đốt sống

Đĩa đệm

Các đốt sống xếp chồng lên nhau tạo thành cột sống

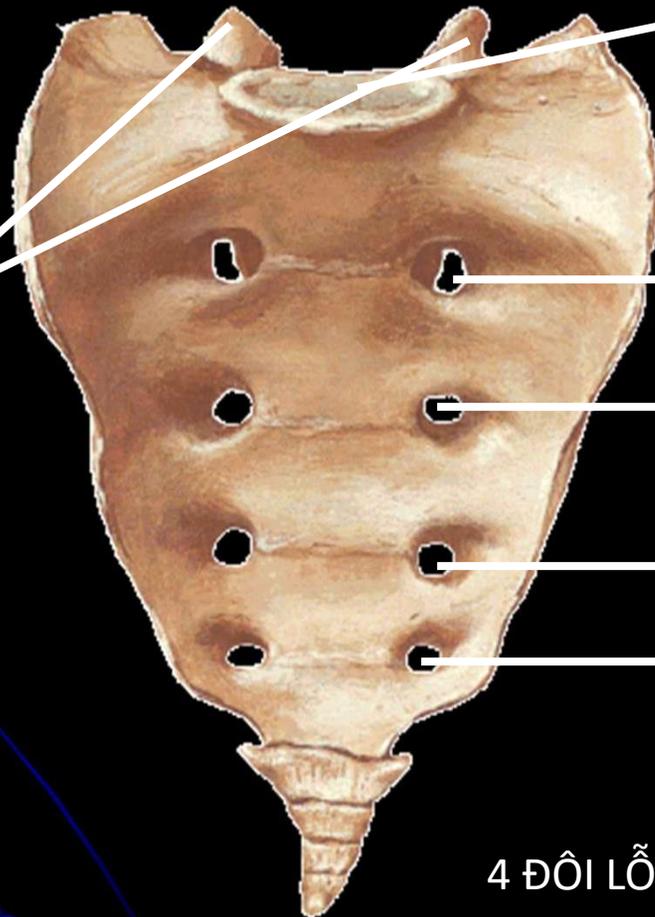


XƯƠNG THÂN

4- XƯƠNG CỘT SỐNG:

4.2- PHÂN LOẠI:

4.2.4- ĐỐT SỐNG CÙNG:



DIỆN KHỚP
THẮT LƯNG-CÙNG

MỒM KHỚP
TRÊN

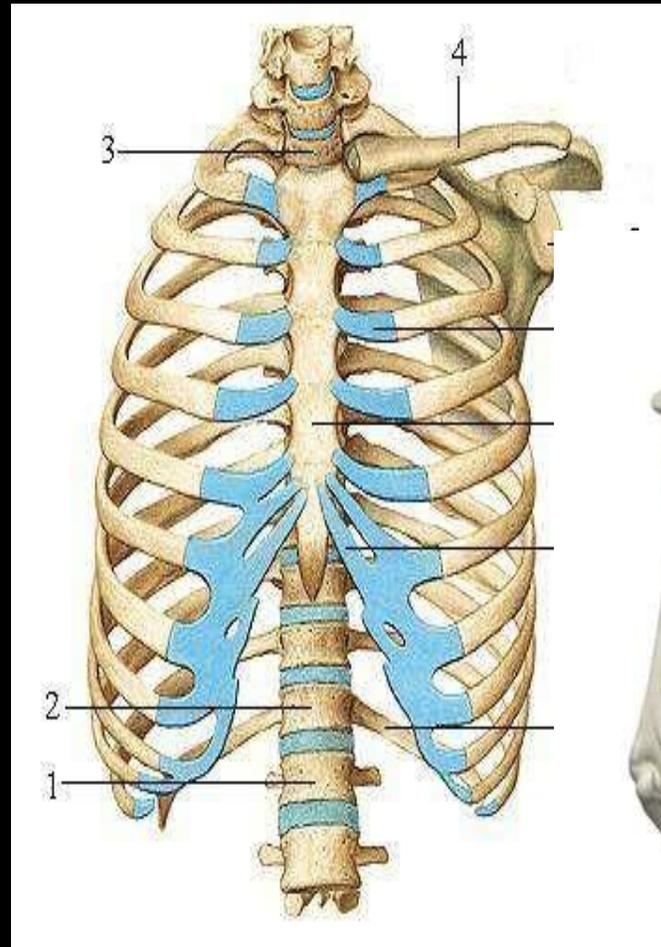
4 ĐÔI LỖ CÙNG CHẬU

MẶT CHẬU

XƯƠNG THÂN

3- XƯƠNG SƯỜN:

- Lồng ngực tạo thành từ:
 - ❖ 12 đôi xương sườn.
 - ❖ Xương ức
 - ❖ Các đốt sống ngực.



XƯƠNG THÂN

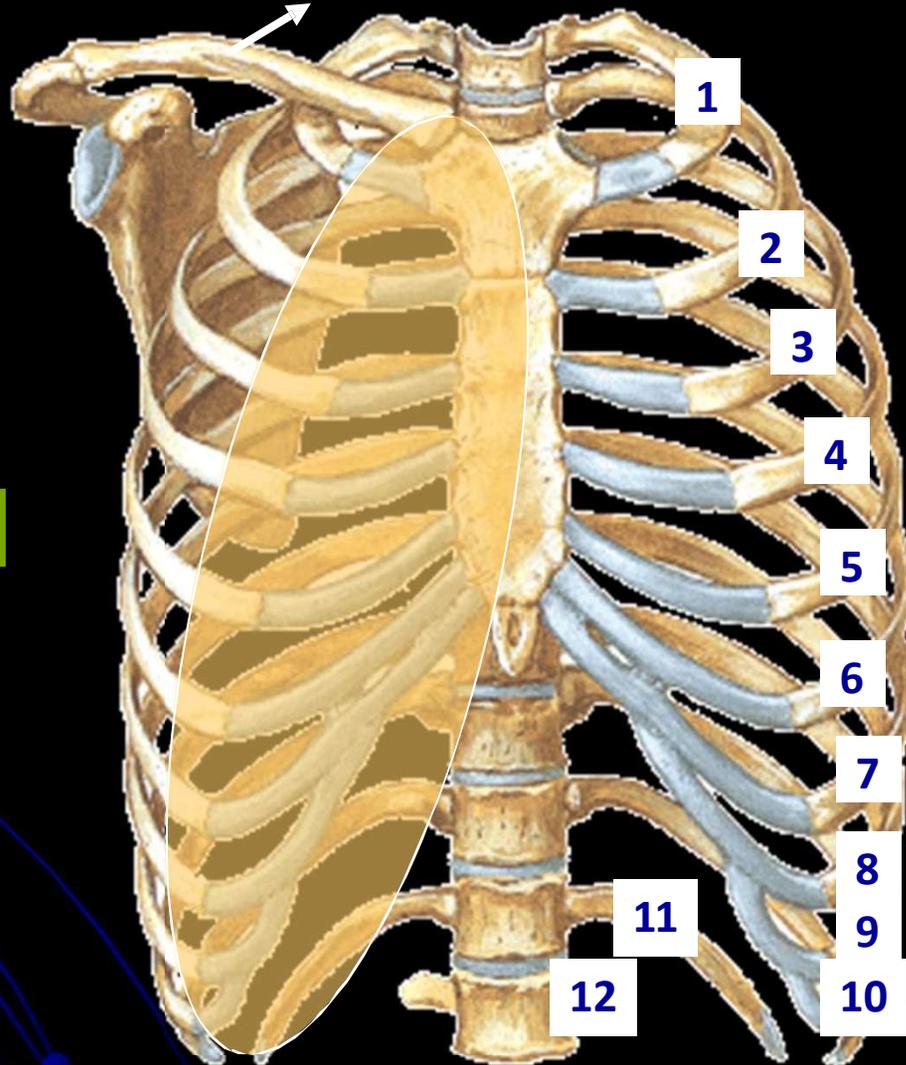
3- XƯƠNG SƯỜN:

- ❖ Mỗi xương sườn gồm có ba phần: đầu, cổ và thân; chạy chéo xuống dưới và ra trước.
- ❖ Đầu trước của thân xương sườn nối với các sụn sườn
- ❖ Ngoại trừ xương sườn 11 và 12 tự do nên hai xương sườn này được gọi là xương sườn cụt.

XƯƠNG THÂN

3- XƯƠNG SƯỜN:

XƯƠNG ĐÒN



SỤN SƯỜN

1-7: XƯƠNG SƯỜN THẬT



XƯƠNG SƯỜN



8-12: XƯƠNG SƯỜN GIẢ

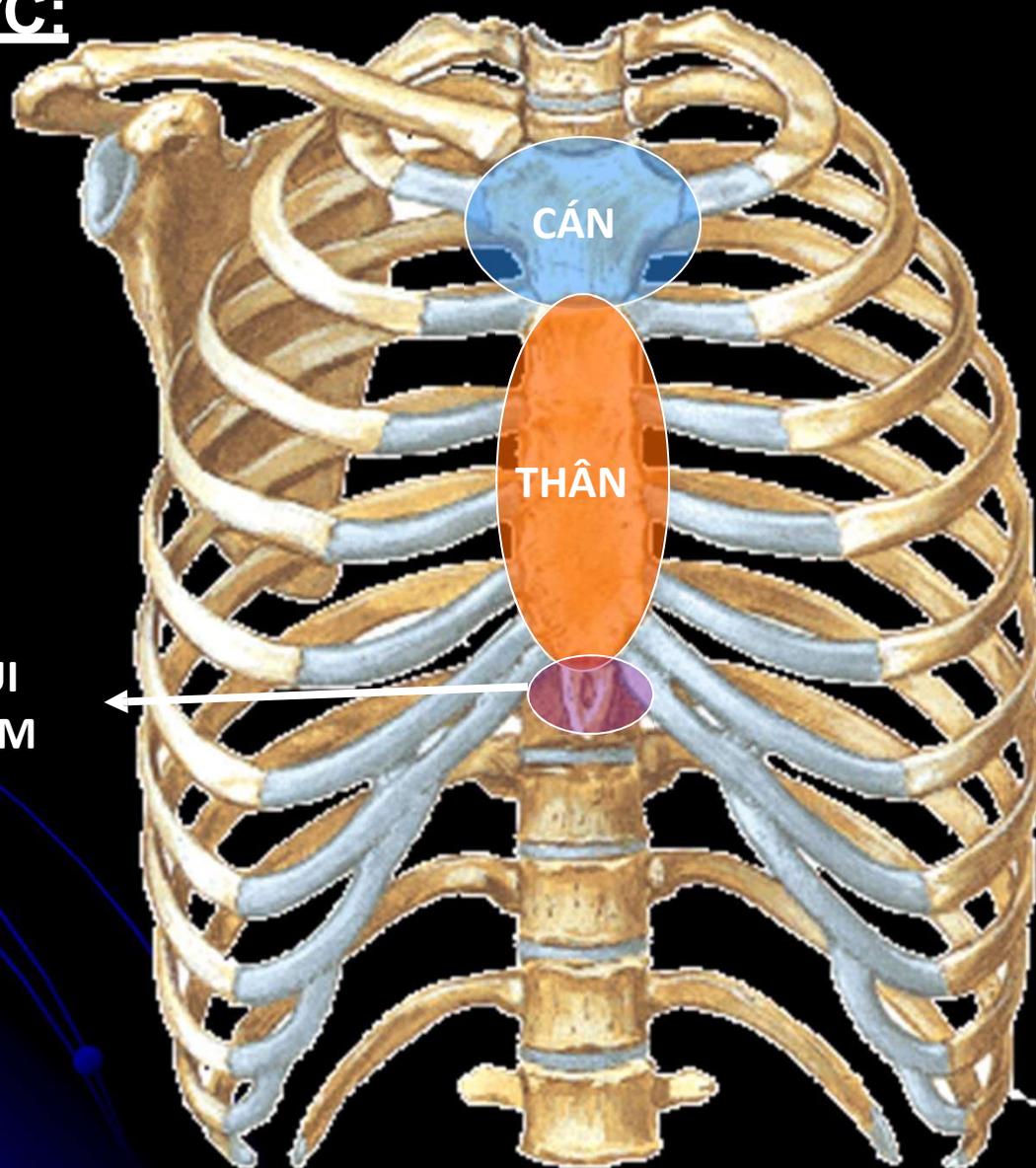
XƯƠNG THÂN

2- XƯƠNG ỨC:

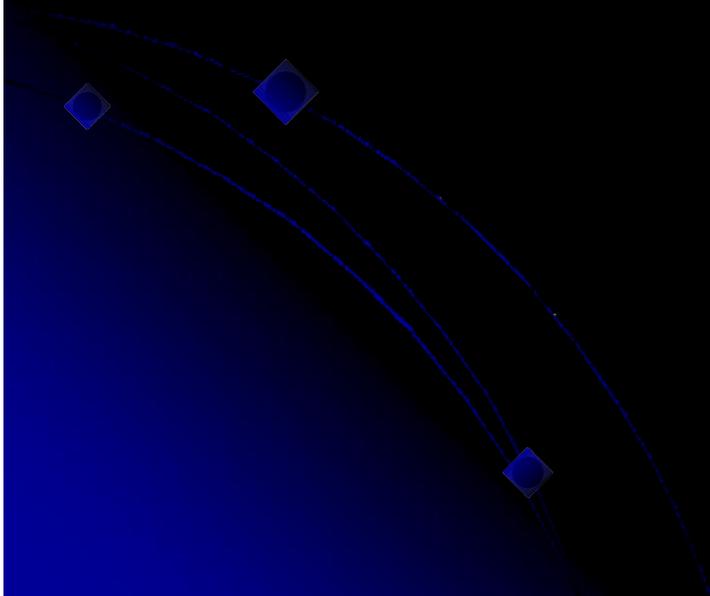
- ❖ Xương dẹt nằm phía trước, giữa lồng ngực.
- ❖ Gồm ba phần: cán ực, thân ực và mỏm mũi kiếm. Cán và thân ực tạo một góc nhô ra trước gọi là góc ực.
- ❖ Bờ bên có 7 khuyết sườn để khớp với 7 sụn sườn đầu tiên.
- ❖ Ở trên: hai khuyết đòn ở hai bên để khớp với đầu ực của xương đòn.

XƯƠNG THÂN

2- XƯƠNG ỨNG:



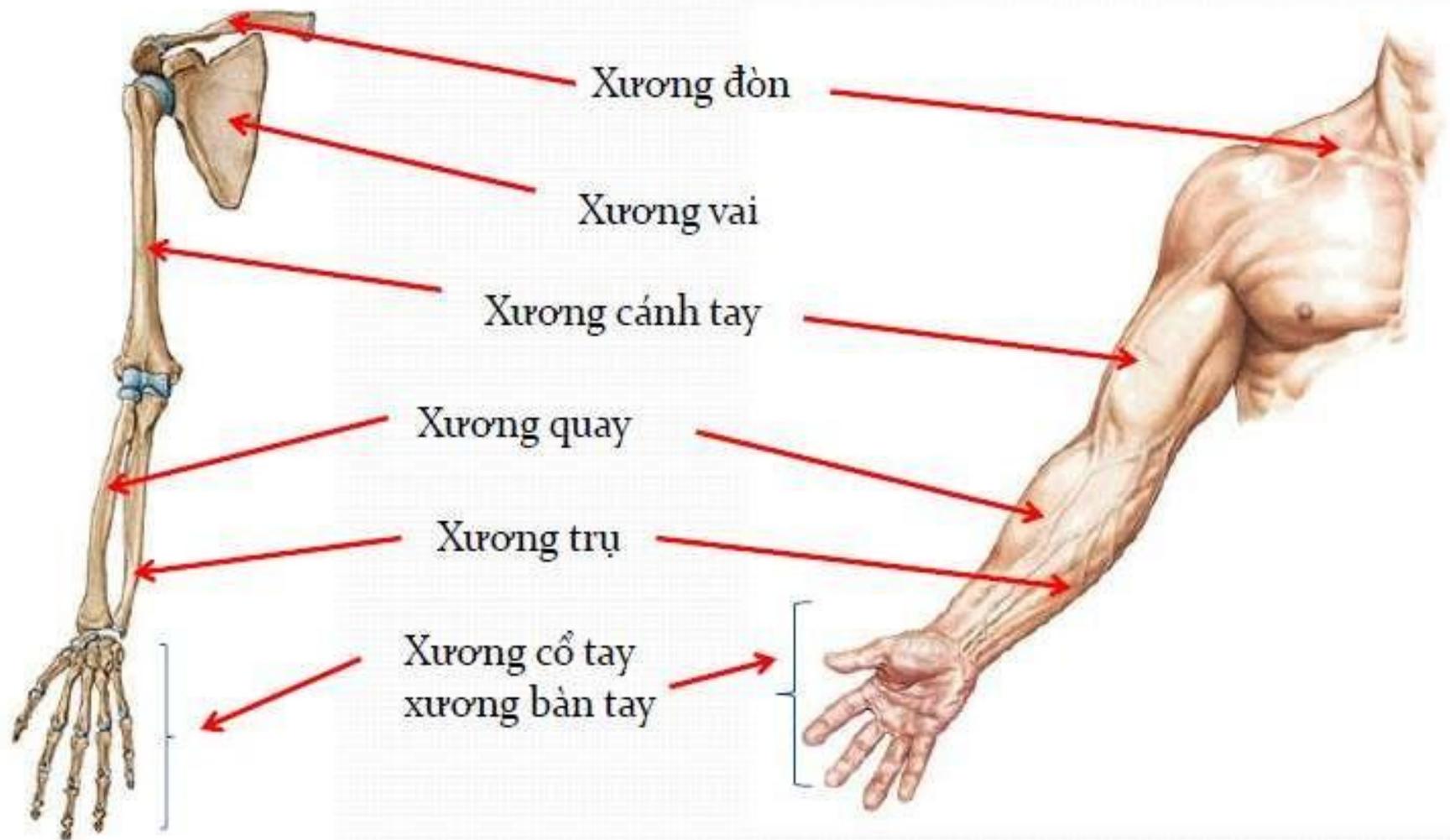
GIẢI PHẪU VÙNG CHI TRÊN

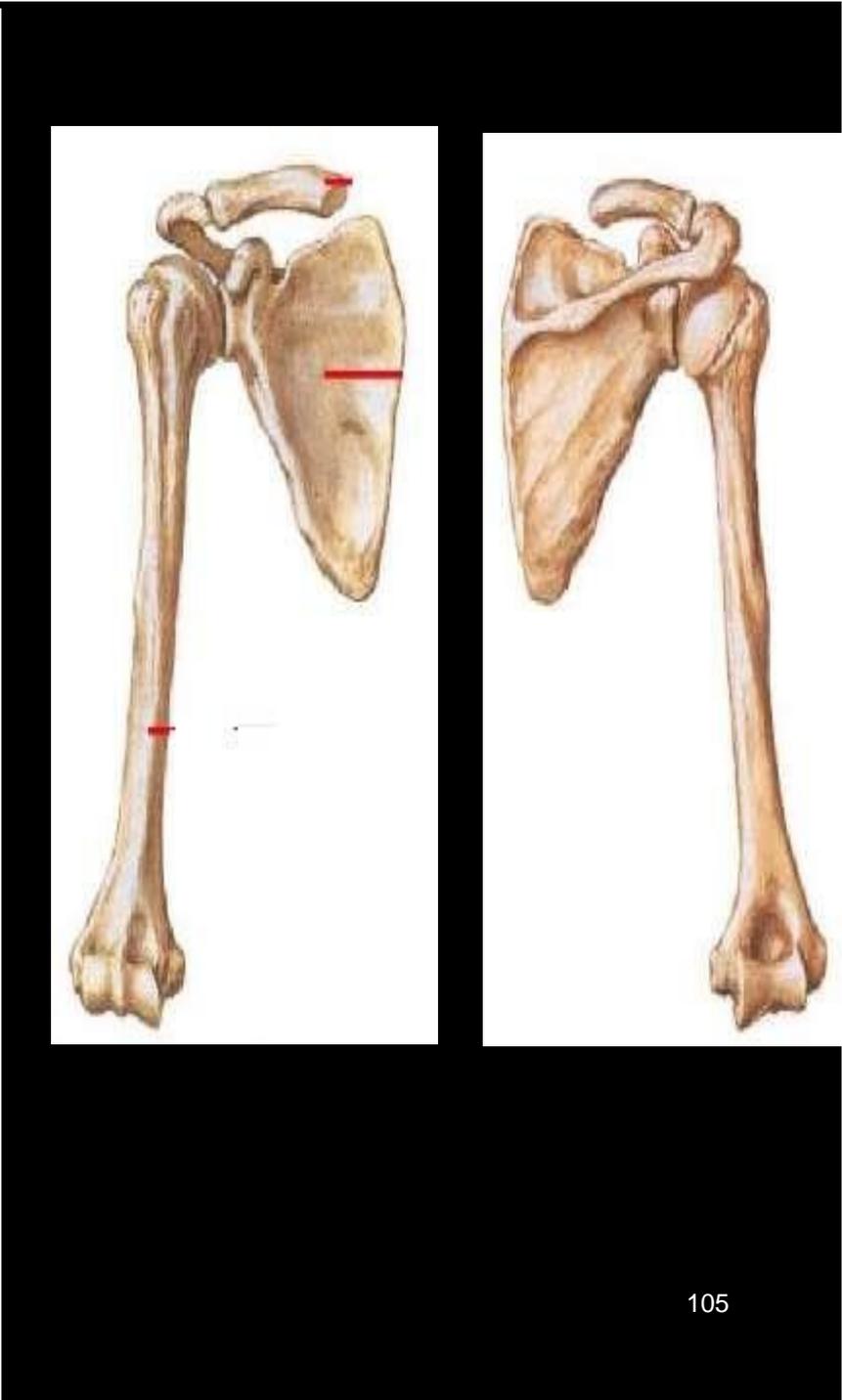
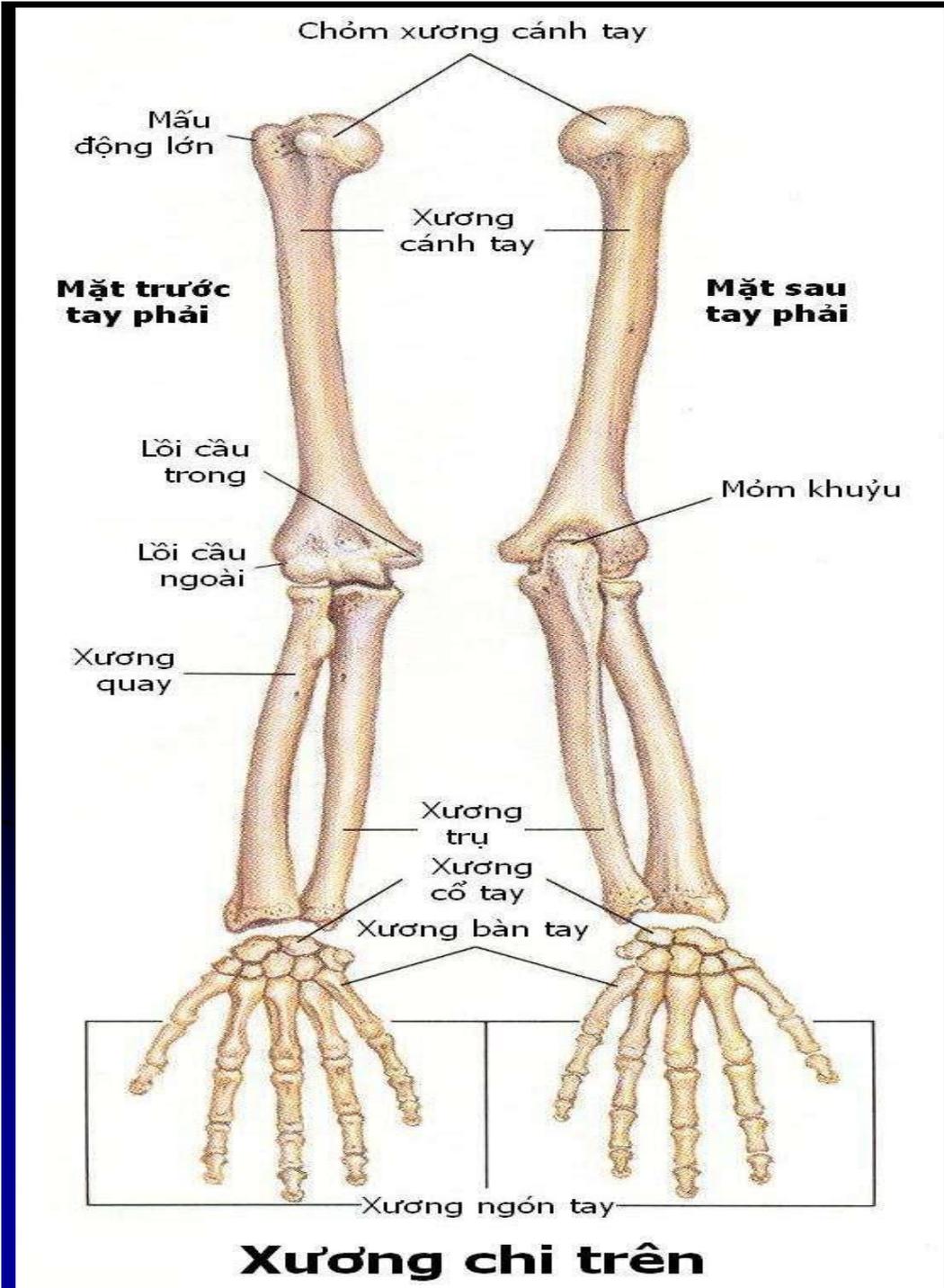


XƯƠNG CHI TRÊN

- ❖ Ở người có bốn chi , hai chi trên và 2 chi dưới.
- ❖ Chi trên có 32 xương: Xương vai, xương đòn, xương cánh tay, xương cẳng tay (2 xương), xương cổ tay (8 xương), 5 xương bàn tay, 14 đốt xương ngón tay.
- ❖ Các xương chi trên nối với nhau bởi các khớp động

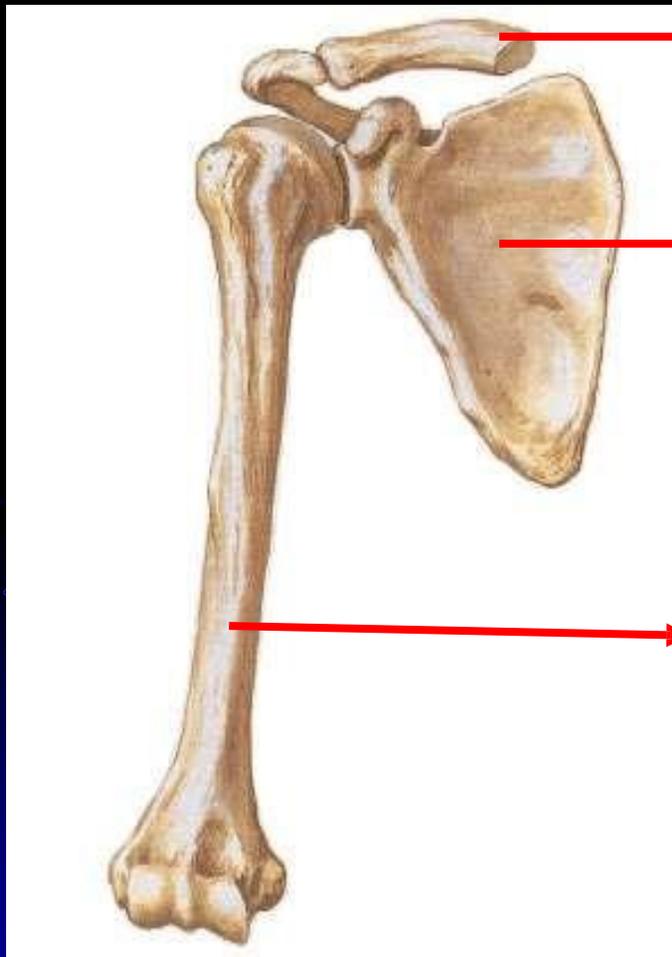
XƯƠNG CHI TRÊN





XƯƠNG CHI TRÊN

ĐẠI VAI:

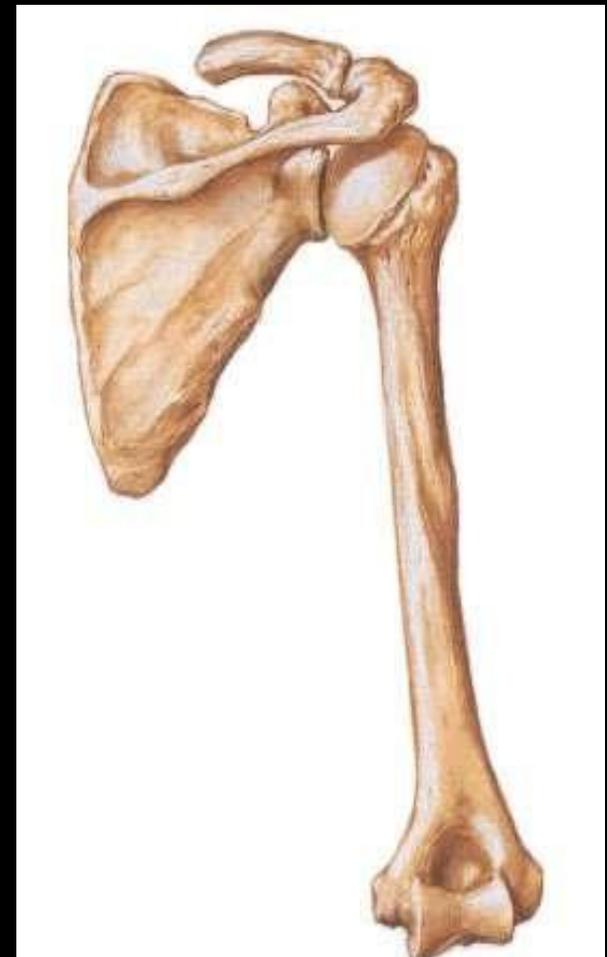


XƯƠNG ĐÒN

XƯƠNG VAI

XƯƠNG CÁNH TAY

MẶT TRƯỚC



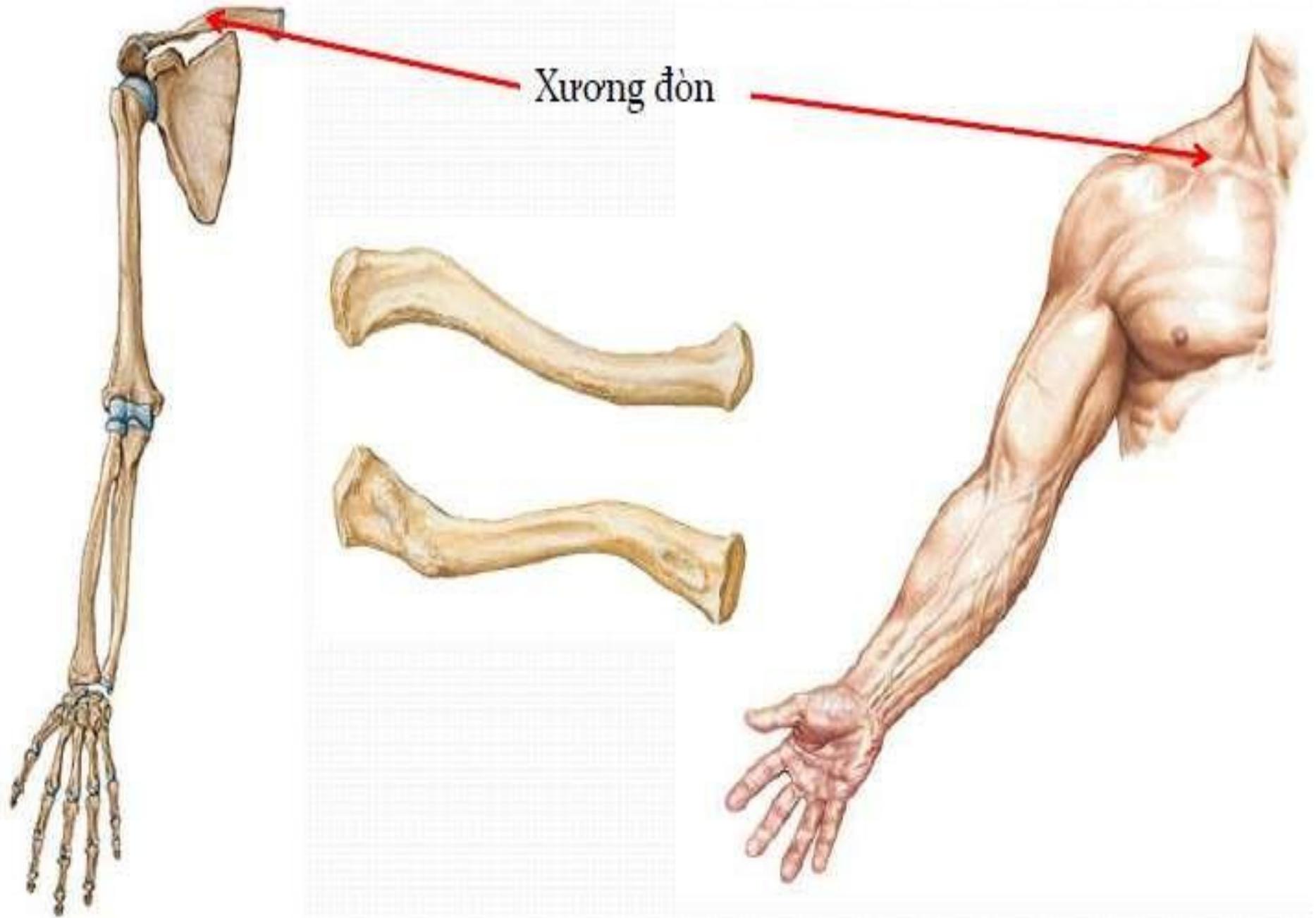
MẶT SAU

XƯƠNG CHI TRÊN

XƯƠNG ĐÒN:

- ❖ Xương dài, tạo nên phần trước của đai vai
- ❖ Nằm ngang phía trước và trên của lồng ngực
- ❖ Xương gồm có 1 thân và 2 đầu.
- ❖ Đầu ức: hướng vào trong, có diện khớp ức khớp với cán ức.
- ❖ Đầu cùng vai: hướng ra ngoài, dẹt và rộng, có diện khớp cùng vai khớp với mỏm cùng

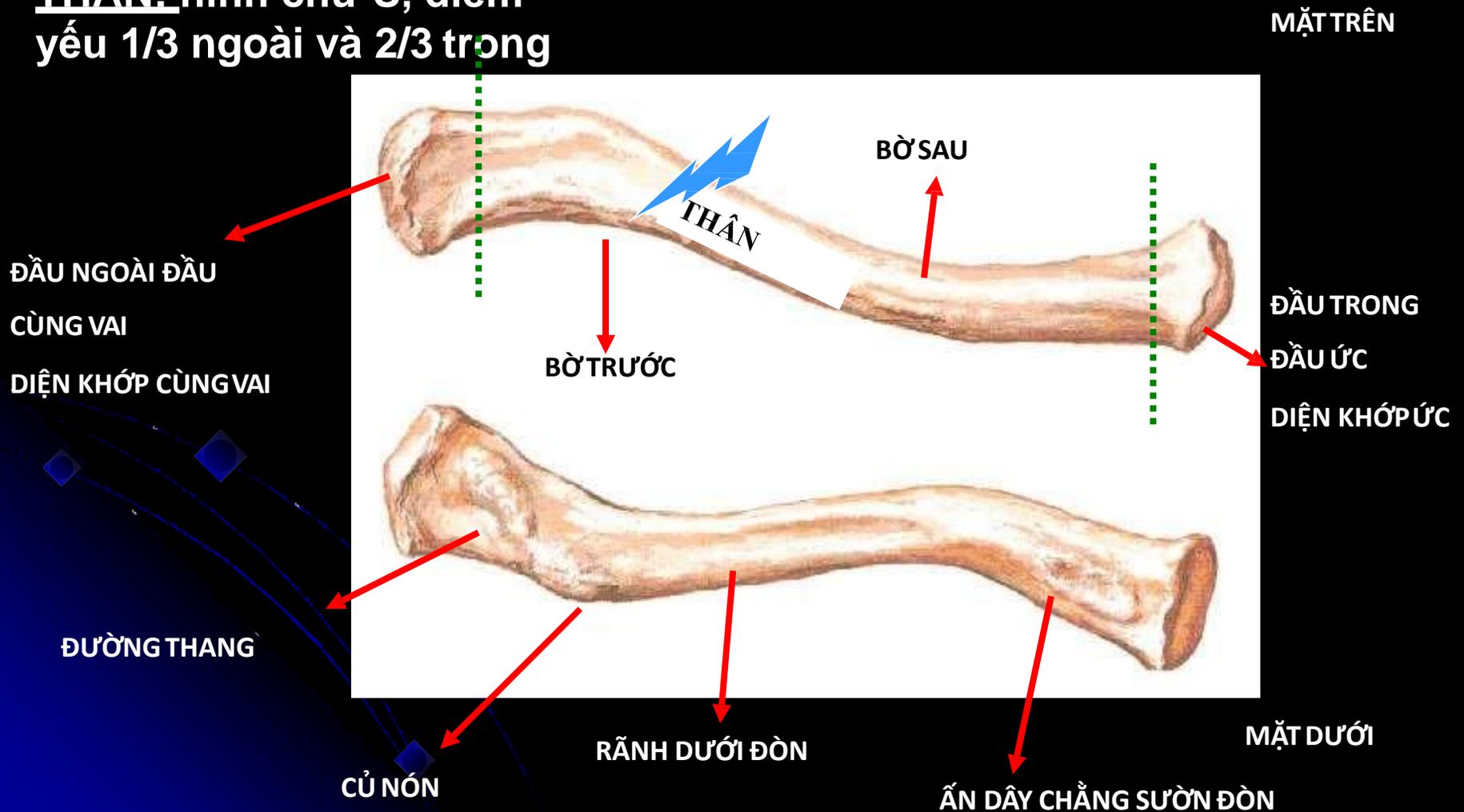
XƯƠNG CHI TRÊN



XƯƠNG CHI TRÊN

1- XƯƠNG ĐÒN:

THÂN: hình chữ S, điểm yếu 1/3 ngoài và 2/3 trong



XƯƠNG CHI TRÊN

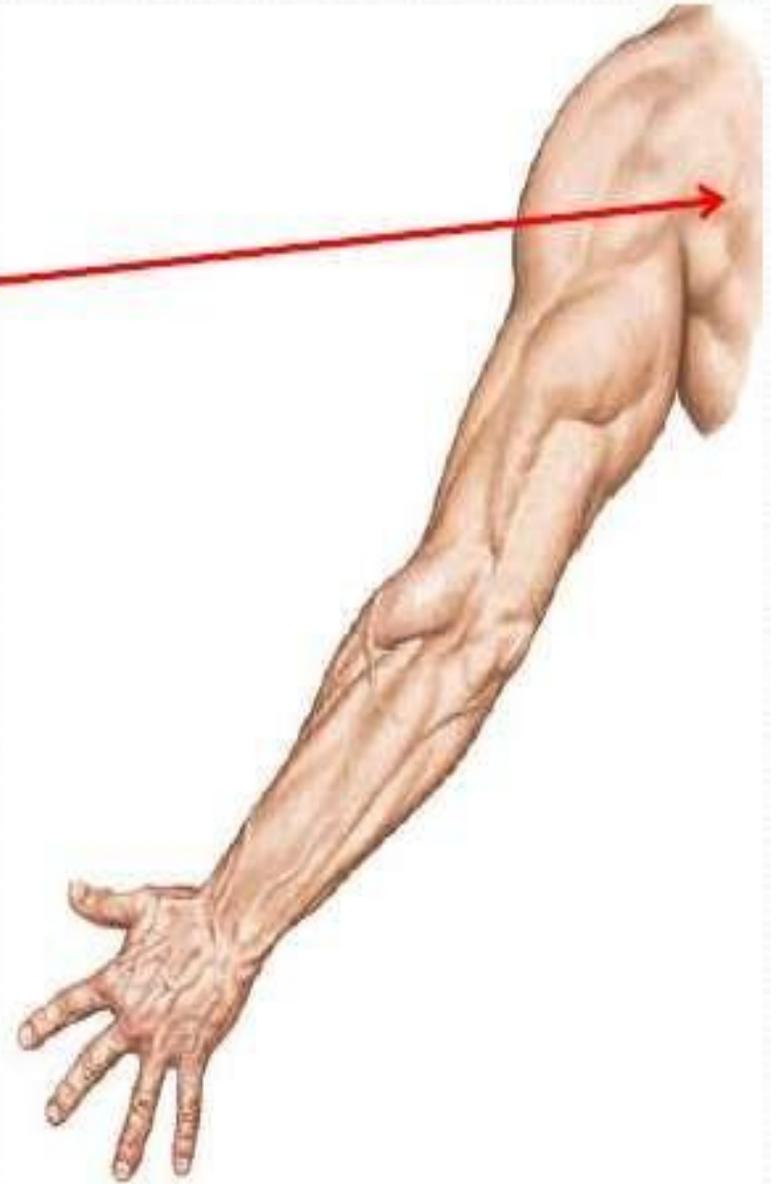
XƯƠNG VAI:

- ❖ Xương dẹt hình tam giác, gồm hai mặt,
- ❖ Nằm phía sau bên của phần trên lồng ngực.
- ❖ Xương có hai mặt, ba bờ và ba góc.
- ❖ Có ba bờ là bờ trong, bờ ngoài và bờ trên.
- ❖ Có diện khớp với xương đòn, xương cánh tay.

XƯƠNG CHI TRÊN



Xương vai

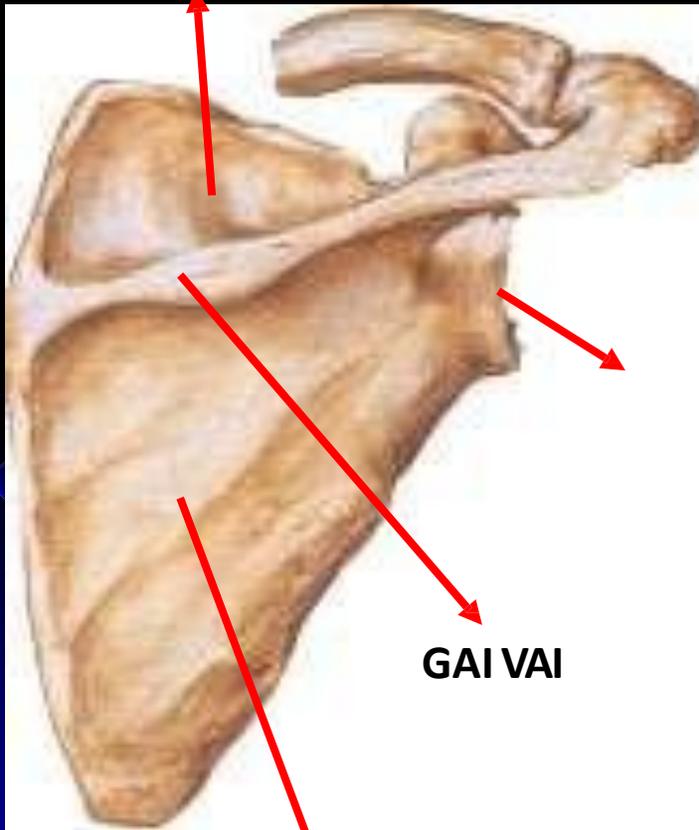


XƯƠNG CHI TRÊN

2- XƯƠNG VAI:

2.2- MÔ TẢ:

HỔ TRÊN GAI



GAI VAI

HỔ DƯỚI GAI

MẶT SAU

MỎM CÙNG VAI

KHUYẾT VAI

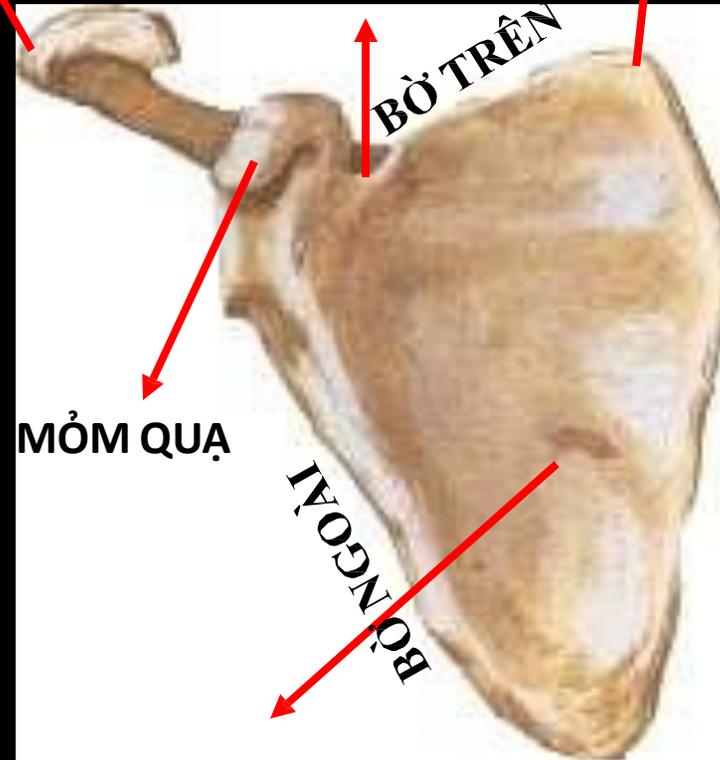
GÓC TRÊN

GÓC
NGOÀI Ồ
CHẢO

MỎM QUẠ

HỔ DƯỚI VAI

GÓC DƯỚI (N7)



BỜ TRONG

BỜ NGOÀI

BỜ TRONG

MẶT TRƯỚC

XƯƠNG CHI TRÊN

3- XƯƠNG CÁNH TAY:

- Xương cánh tay là một xương dài.
- Có một thân và hai đầu.
 - Có ba bờ là bờ trước, bờ trong và bờ ngoài.
 - Đầu trên xương cánh tay dính vào thân xương bởi một chỗ thắt gọi là cổ phẫu thuật, vị trí hay xảy ra gãy xương.
 - Đầu dưới: Tiếp giáp với xương cẳng tay(xương trụ và xương quay)

XƯƠNG CHI TRÊN

3- XƯƠNG CÁNH TAY:

3.2- MÔ TẢ:

3.2.1- ĐẦU TRÊN:

CỦ
LỚN



CỦ BÉ

RÃNH GIAN CỦ

CHỎM

ĐẦU TRÊN

CỔ GIẢI PHẪU



CỔ PHẪU
THUẬT
Vị trí hay
bị gãy
xương

XƯƠNG CHI TRÊN

3- XƯƠNG CÁNH TAY:

3.2- MÔ TẢ:

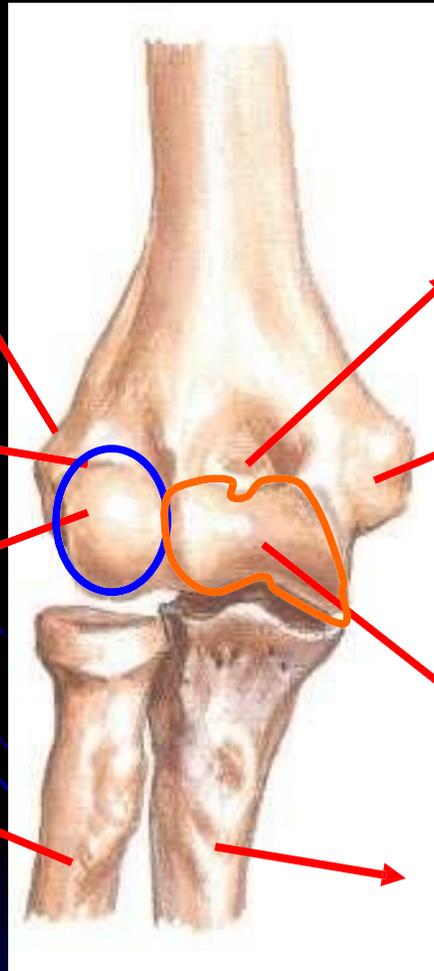
3.2.2- ĐẦU DƯỚI:

MỎM TRÊN
LÒI CẦU NGOÀI

HỐ QUAY

CHỎM CON

XƯƠNG QUAY



MẶT TRƯỚC

HỐ VỆT

MỎM TRÊN
LÒI CẦU TRONG

RÒNG RỌC

XƯƠNG TRỤ

HỐ MỖM KHUYỬ



MẶT SAU

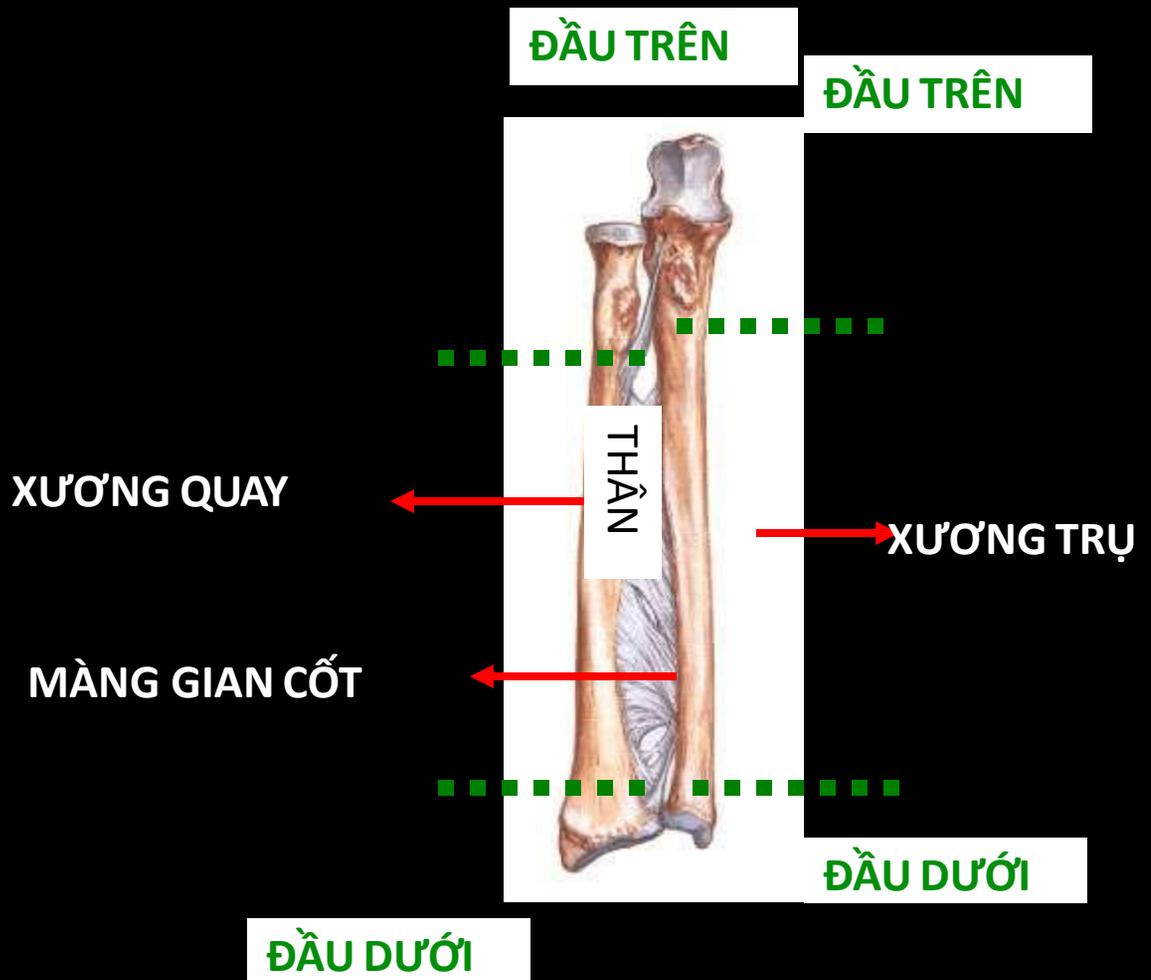
XƯƠNG CHI TRÊN

4- XƯƠNG CẰNG TAY:

4- XƯƠNG CẰNG TAY:

Gồm 2 xương

- ❖ Xương quay
- ❖ Xương trụ



4- XƯƠNG CẰNG TAY:

4.1- XƯƠNG QUAY:

4.1.1- ĐẦU TRÊN:

XƯƠNG CHI TRÊN

CHÓM

CỔ CỦ QUAY

LÒI CỦ QUAY

MỖM TRÂM QUAY



RÃNH CƠ DUỖI NGÓN TRỎ
CƠ DUỖI CÁC NGÓN

RÃNH CƠ DUỖI NGÓN CÁI DÀI

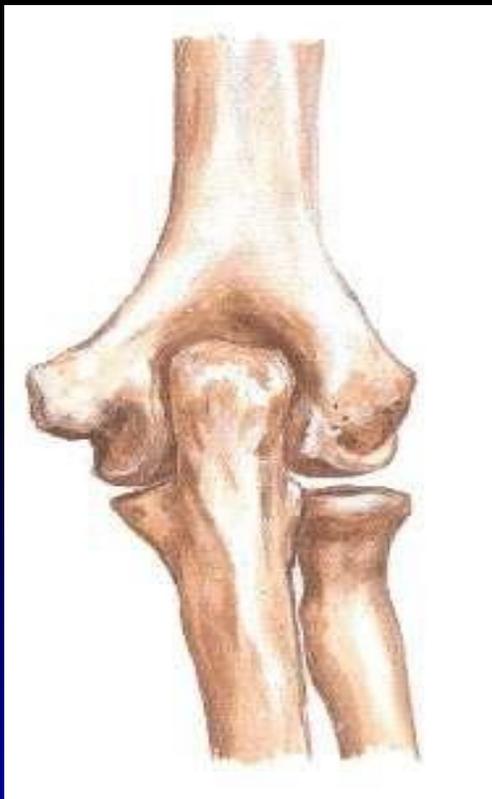
RÃNH CƠ DUỖI CỔ TAY QUAY DÀI,
NGẮN

XƯƠNG CHI TRÊN

4- XƯƠNG CẰNG TAY:

4.2- XƯƠNG TRỤ:

4.2.1- ĐẦU TRÊN:



KHUYẾT QUAY



MỎM KHUYỬU

KHUYẾT RÒNG RỌC

MỎM VỆT

LÒI CỬ TRỤ

CHỎM TRỤ

MỎM TRÂM TRỤ

XƯƠNG CHI TRÊN

XƯƠNG CỔ TAY:

Xương cổ tay: gồm 8 xương

- ❖ Ở hàng trên từ ngoài vào trong có 4 xương là: xương thuyền, xương nguyệt, xương tháp và xương đậu.
- ❖ Ở hàng dưới từ ngoài vào trong có 4 xương là: xương thang, xương thê, xương cả và xương móc .

XƯƠNG CHI TRÊN

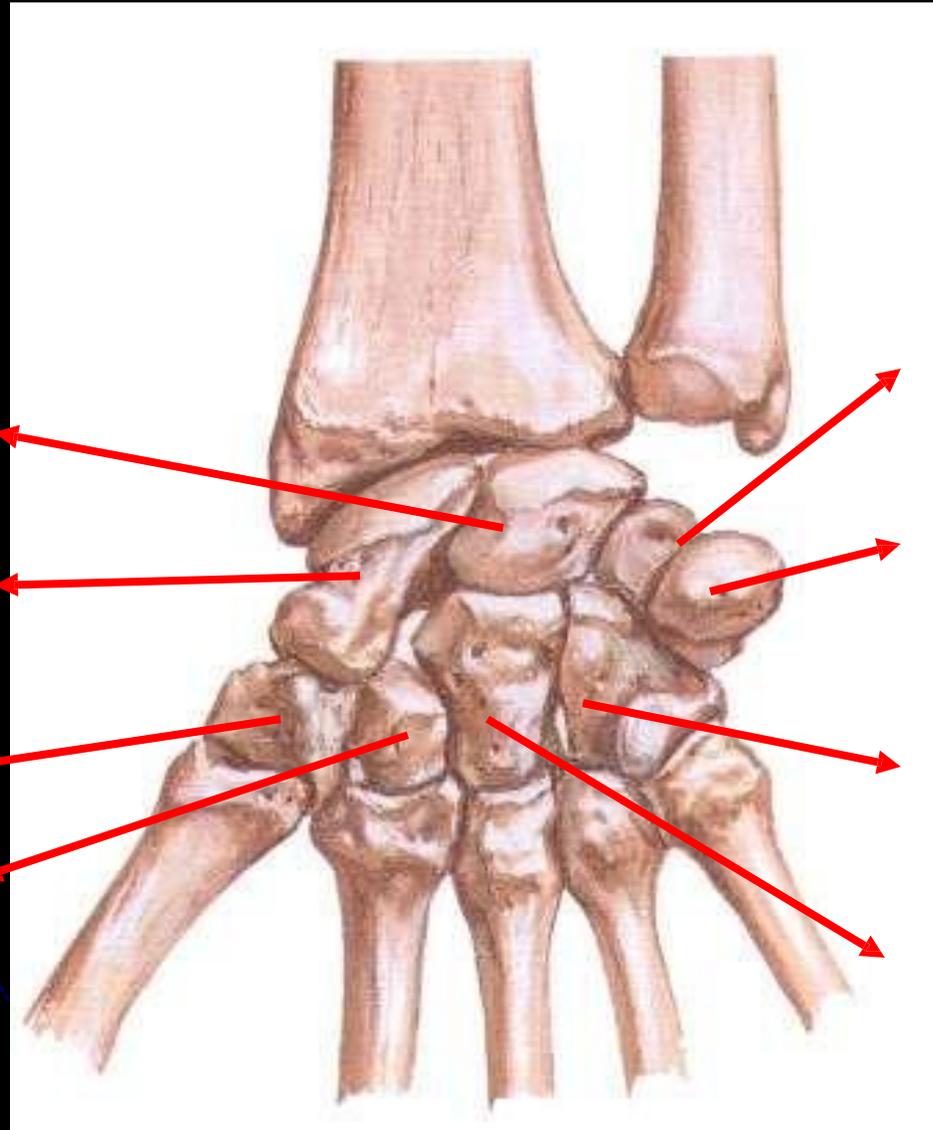
5- XƯƠNG CỔ TAY:

NGUYỆT

THUYỀN

THANG

THÊ



THÁP

ĐẬU

MÓC

CẢ

XƯƠNG CHI TRÊN

XƯƠNG CỔ TAY:

- ❖ Các xương cổ tay sắp xếp lại thành một rãnh ở trước là rãnh cổ tay.
- ❖ Rãnh cổ tay hợp với mạc giữ gân gấp thành ống cổ tay để các gân gấp, mạch máu và thần kinh đi qua. Khi bị hẹp ống cổ tay sẽ làm tê các ngón tay.

XƯƠNG CHI TRÊN

XƯƠNG BÀN TAY:

Các xương đốt bàn tay:

- ❖ Khớp với các xương cổ tay ở phía trên và các xương ngón tay ở phía dưới.
- ❖ Có 5 xương được gọi theo số thứ tự từ ngoài vào trong là từ I đến V.

XƯƠNG CHI TRÊN

XƯƠNG BÀN TAY:

Các xương ngón tay :

- ❖ Mỗi ngón tay có 3 xương: xương đốt ngón gần, xương đốt ngón giữa và xương đốt ngón xa.
- ❖ Trừ ngón cái chỉ có 2 xương

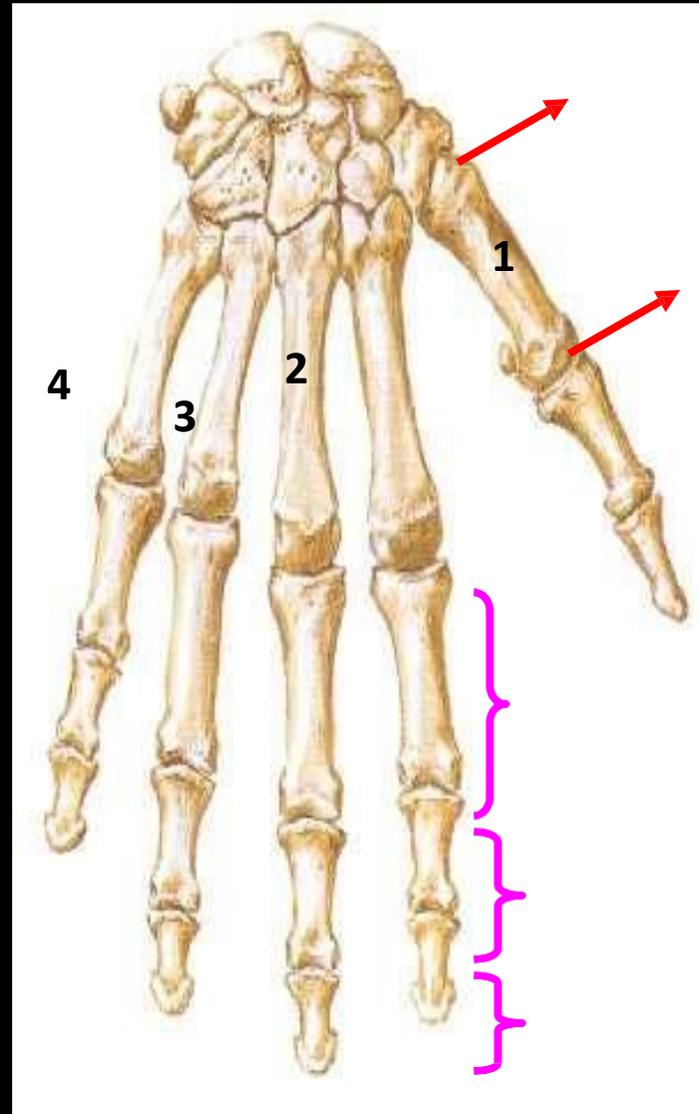
XƯƠNG CHI TRÊN

6- XƯƠNG BÀN TAY:

XƯƠNG CỔ TAY

XƯƠNG ĐỐT BÀN

XƯƠNG ĐỐT NGÓN



NỀN

CHÓM

ĐỐT GẦN

ĐỐT GIỮA

ĐỐT XA

XƯƠNG CỔ TAY VÀ BÀN TAY

X. Thuyền

X. Nguyệt

X. Thang

X. Tháp

X. Thê

X. Đậu

X. Cánh

X. Móc

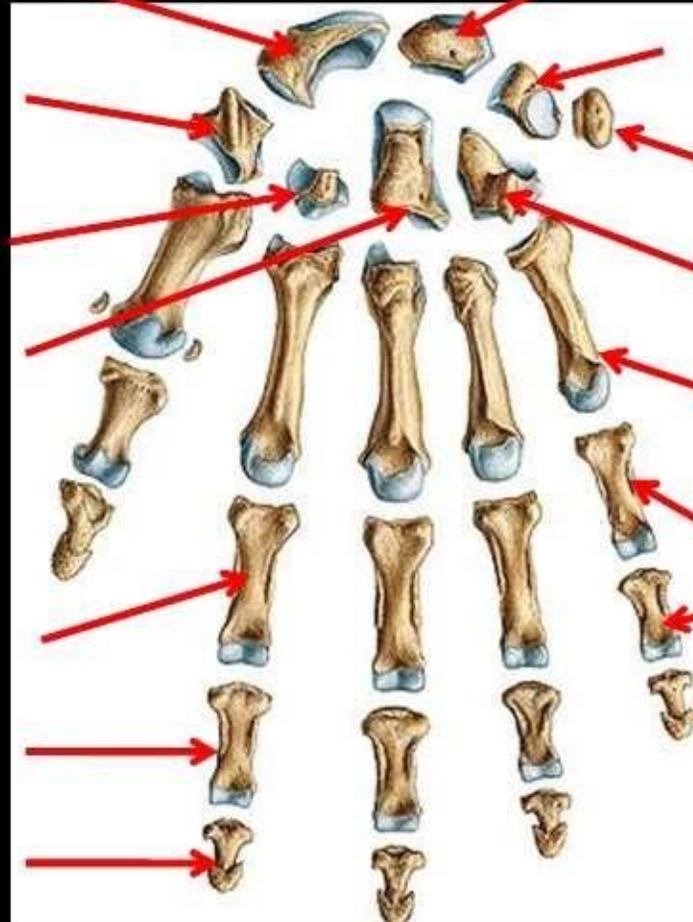
X. Đốt bàn tay

Đốt gần

X. Đốt ngón tay

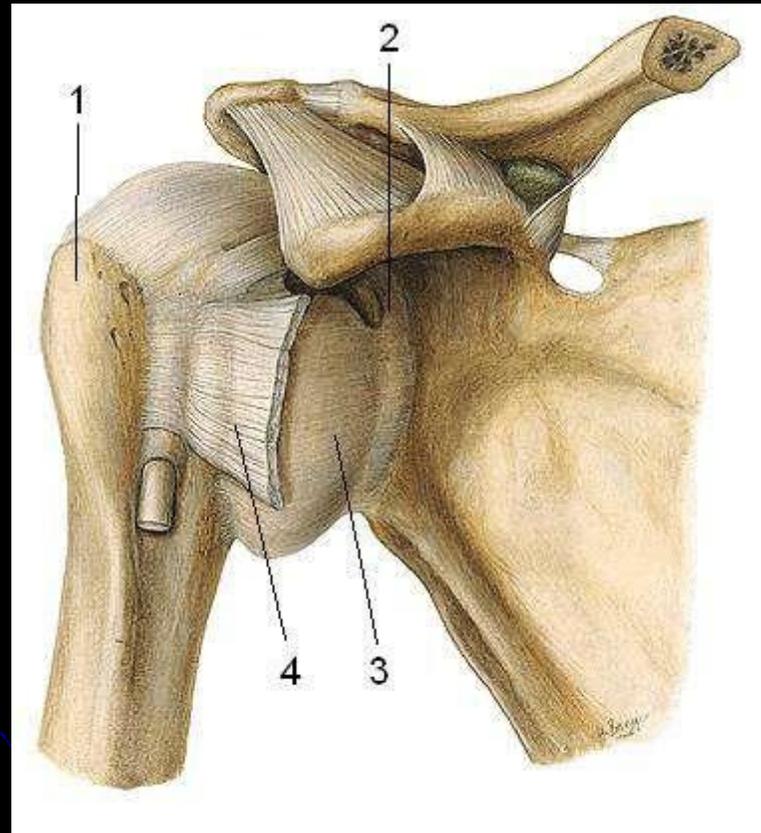
Đốt giữa

Đốt xa



KHỚP VAI

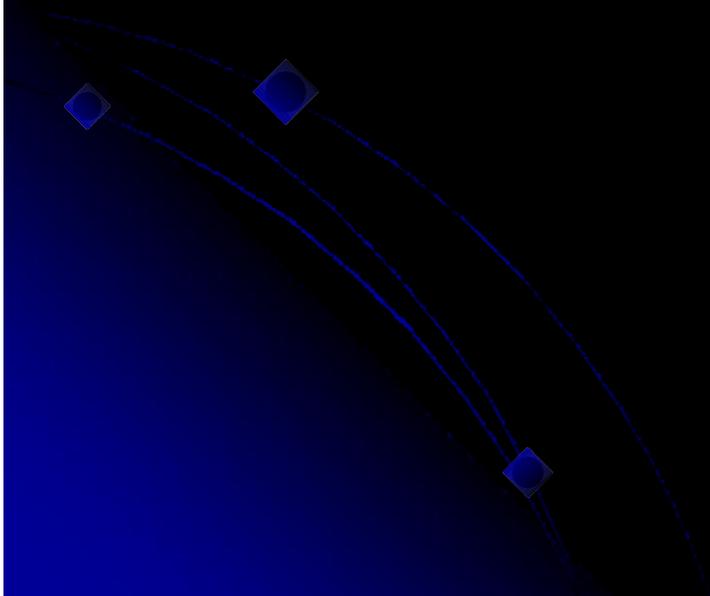
Khớp vai là 1 khớp động, nối giữa ổ chảo với chỏm xương cánh tay.



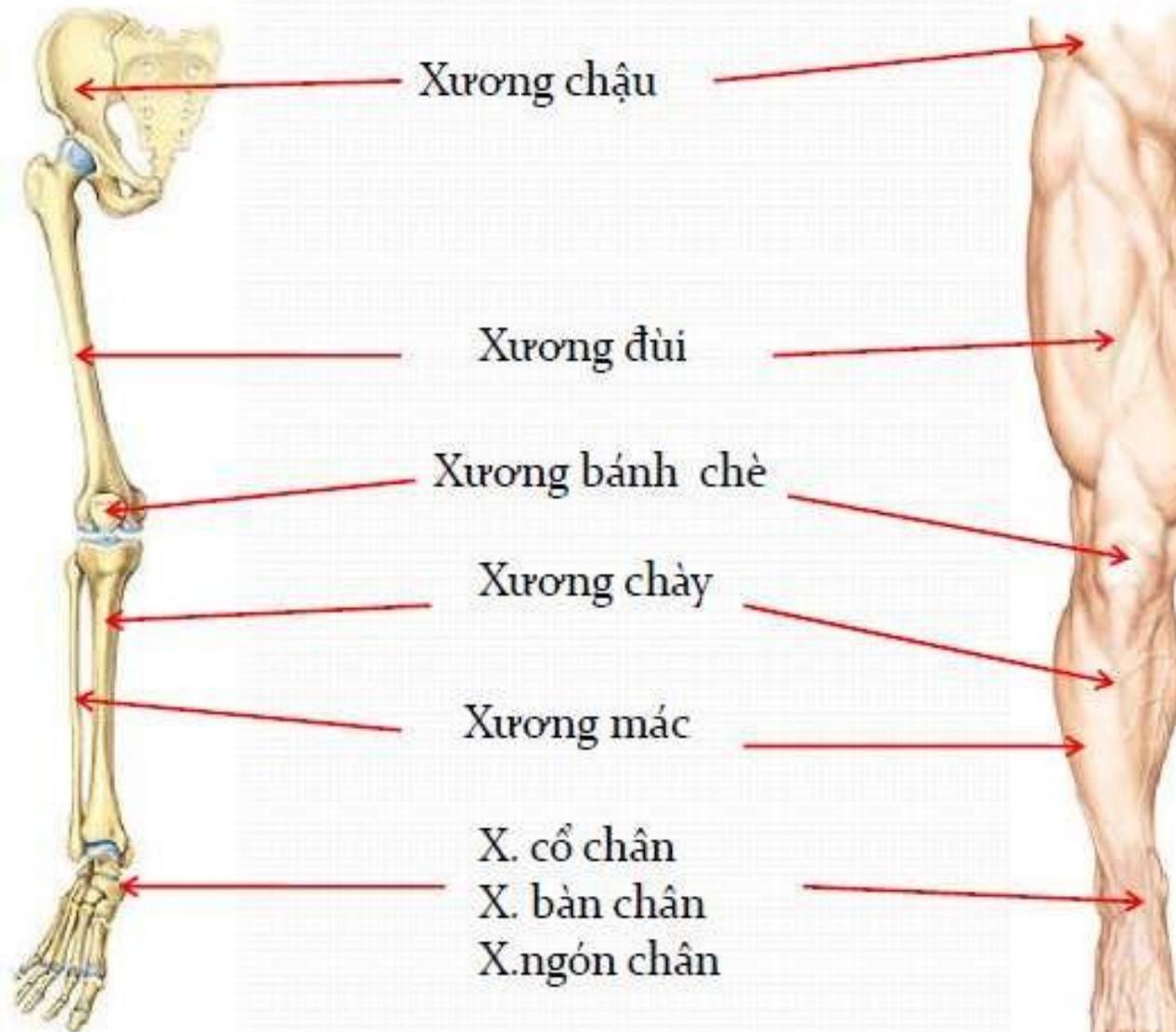
Hình. Khớp vai

1. Củ lớn 2. Ổ chảo 3. Bao khớp 4. Dây chằng

XƯƠNG CHI DƯỚI



XƯƠNG CHI DƯỚI



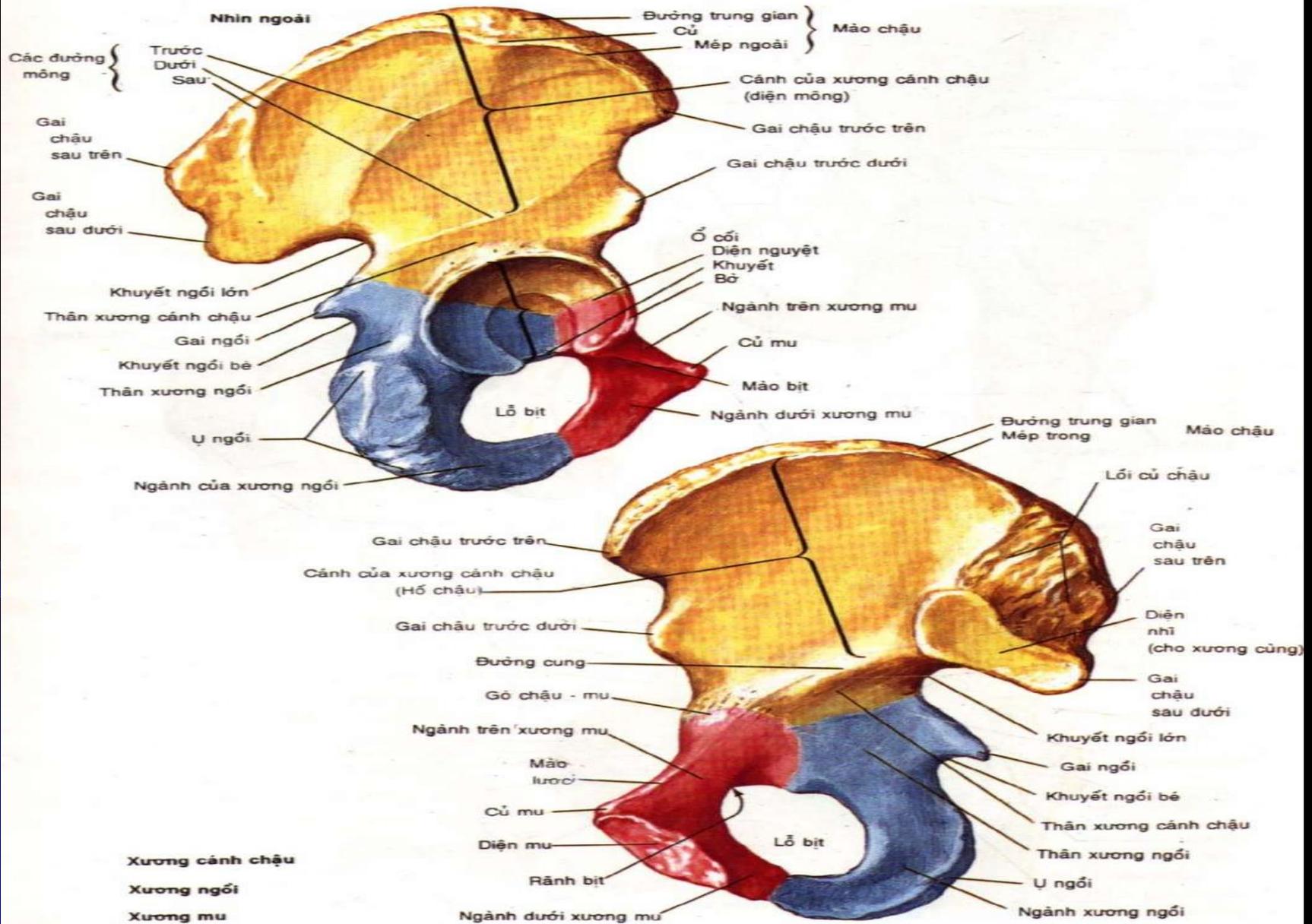
XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

1- XƯƠNG CHẬU:

1.1- ĐINH HƯỚNG:

- ❖ Xương đôi, hình cánh quạt, là xương dẹt
- ❖ Xương chậu bên này nối tiếp với xương chậu bên đối diện và xương cùng phía sau thành khung chậu.
- ❖ Gồm 3 xương: xương cánh chậu, xương mu, xương ngồi

XƯƠNG CHẬU

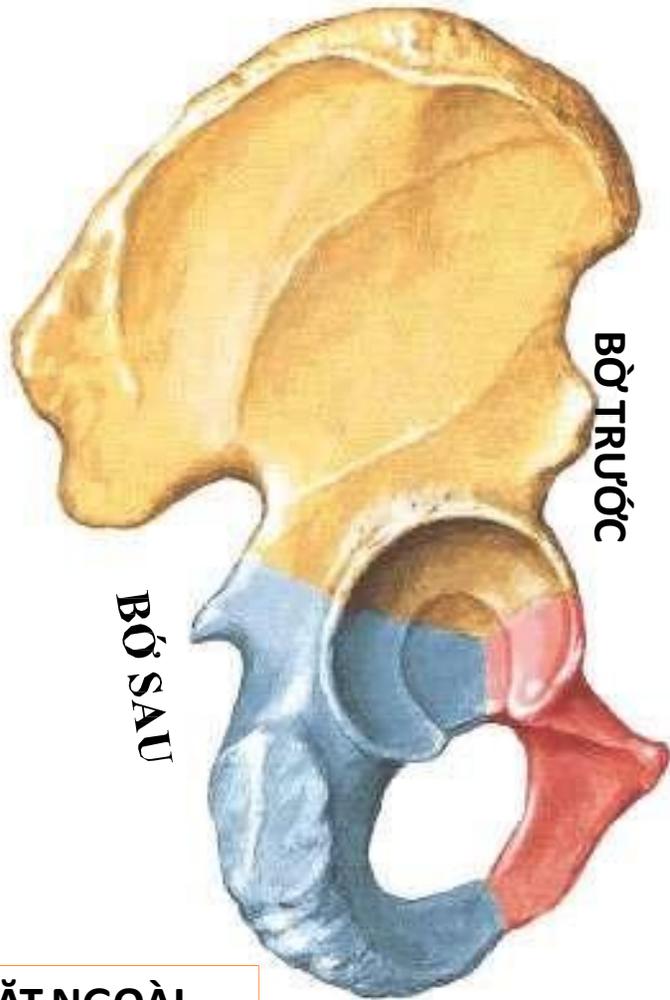


XƯƠNG CHẬU

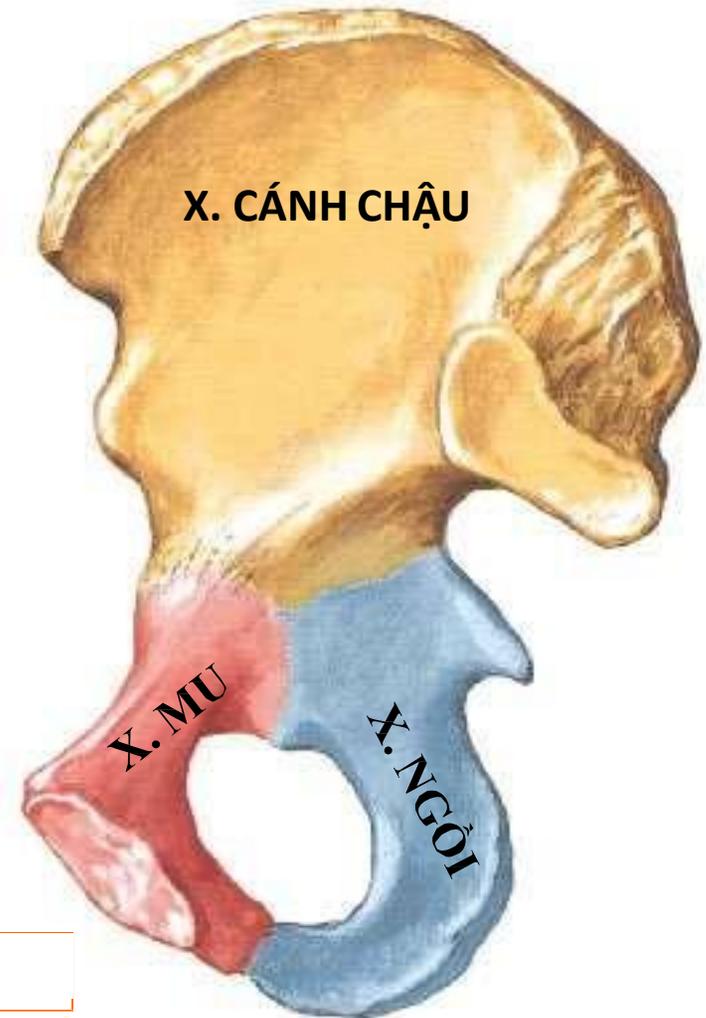
1- XƯƠNG CHẬU:

1.2- MÔ TẢ:

BỜ TRÊN



BỜ DƯỚI



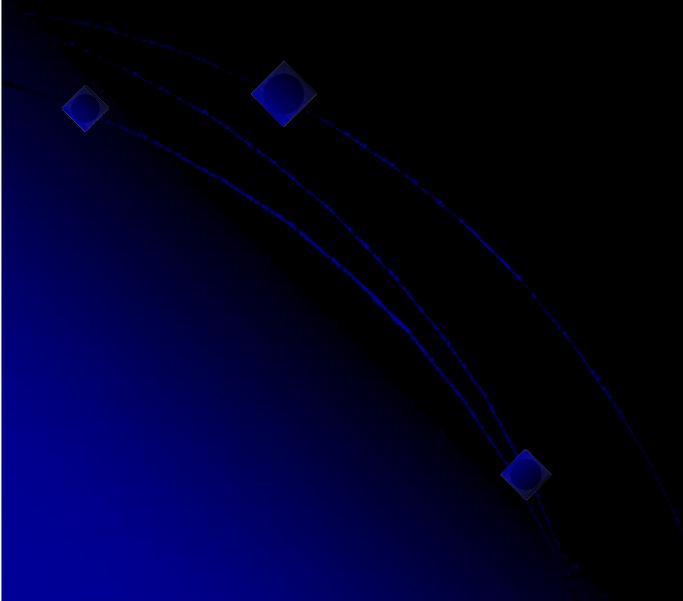
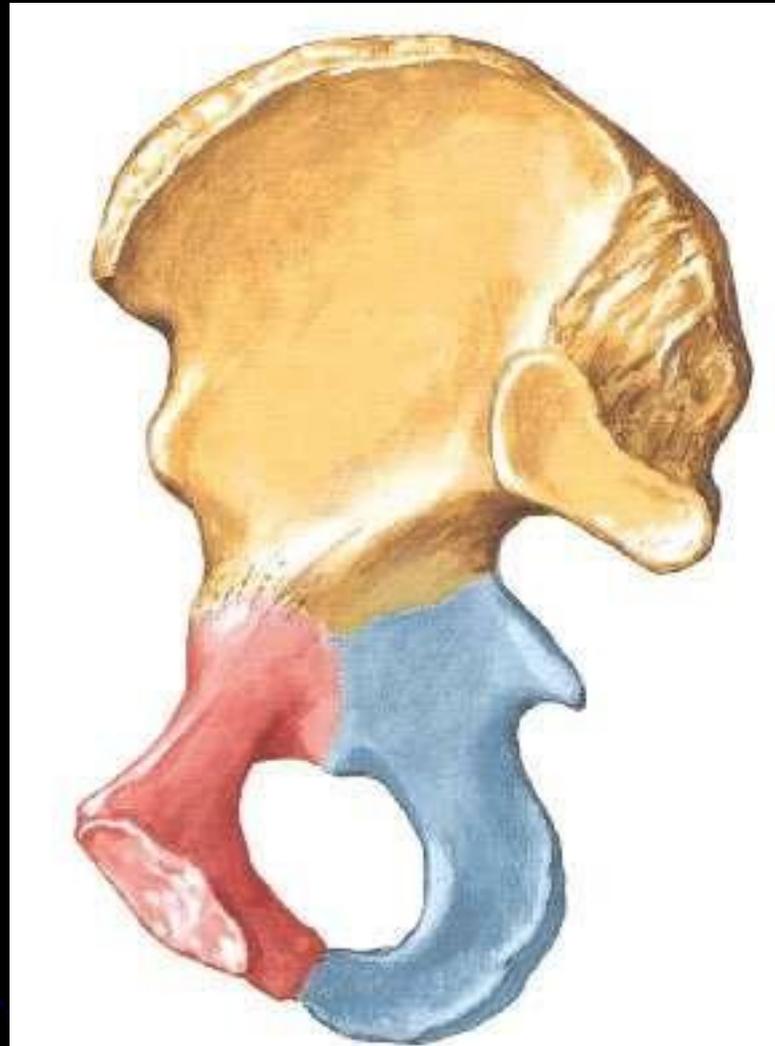
XƯƠNG CHẬU

1- XƯƠNG CHẬU:

1.2- MÔ TẢ:

MÀO CHẬU (ngang mức đốt sống L4)

BỜ TRÊN



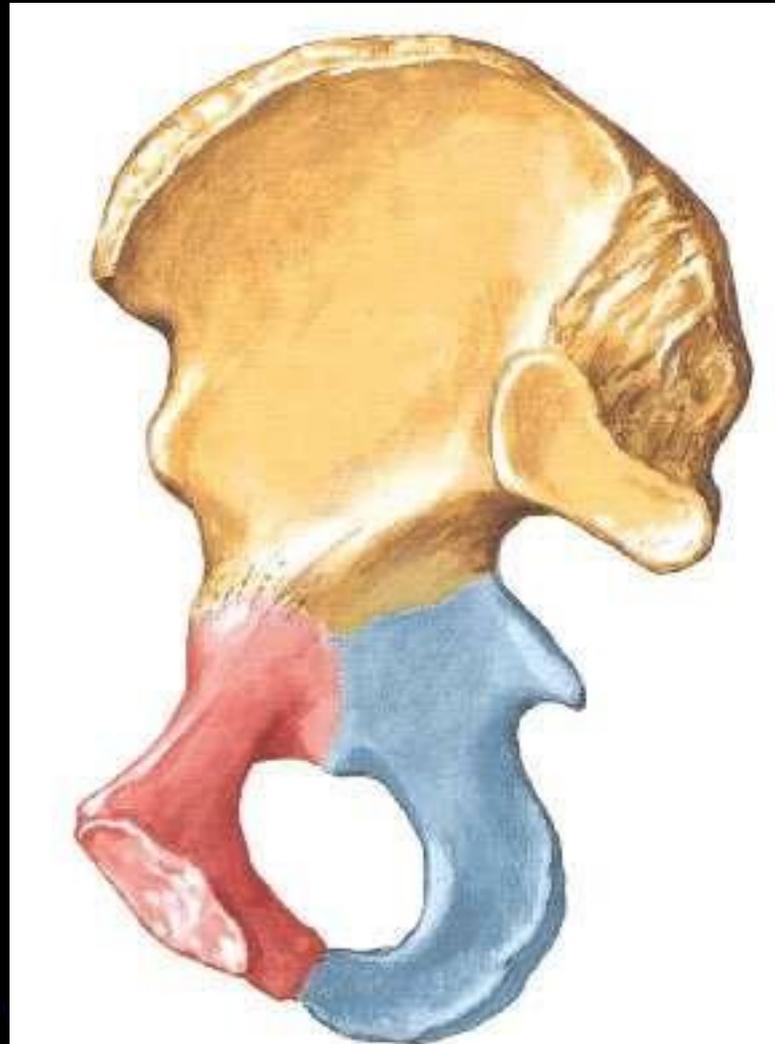
XƯƠNG CHẬU

1- XƯƠNG CHẬU:

1.2- MÔ TẢ:

BỜ DƯỚI

Ngành xương
ngồi hợp với
ngành dưới
xương mu



XƯƠNG CHẬU

1- XƯƠNG CHẬU:

1.2- MÔ TẢ:

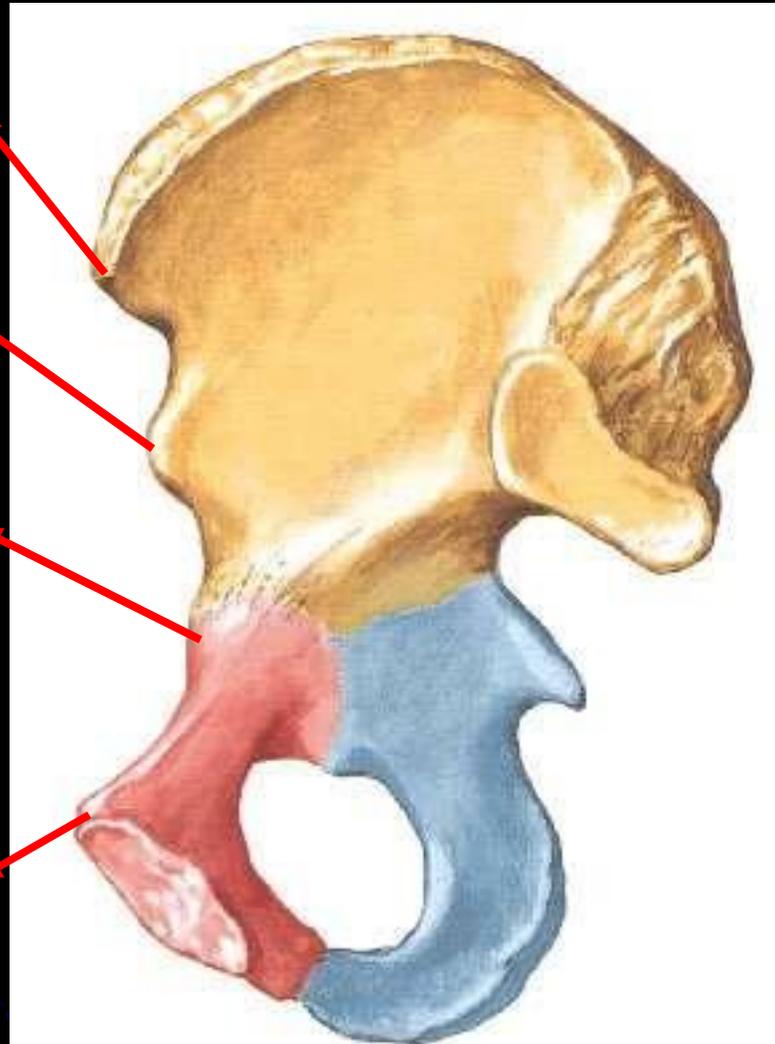
GAİ CHẬU TRƯỚC TRÊN

GAİ CHẬU TRƯỚC DƯỚI

GÒ CHẬU MU

CỦ MU

BỜ TRƯỚC

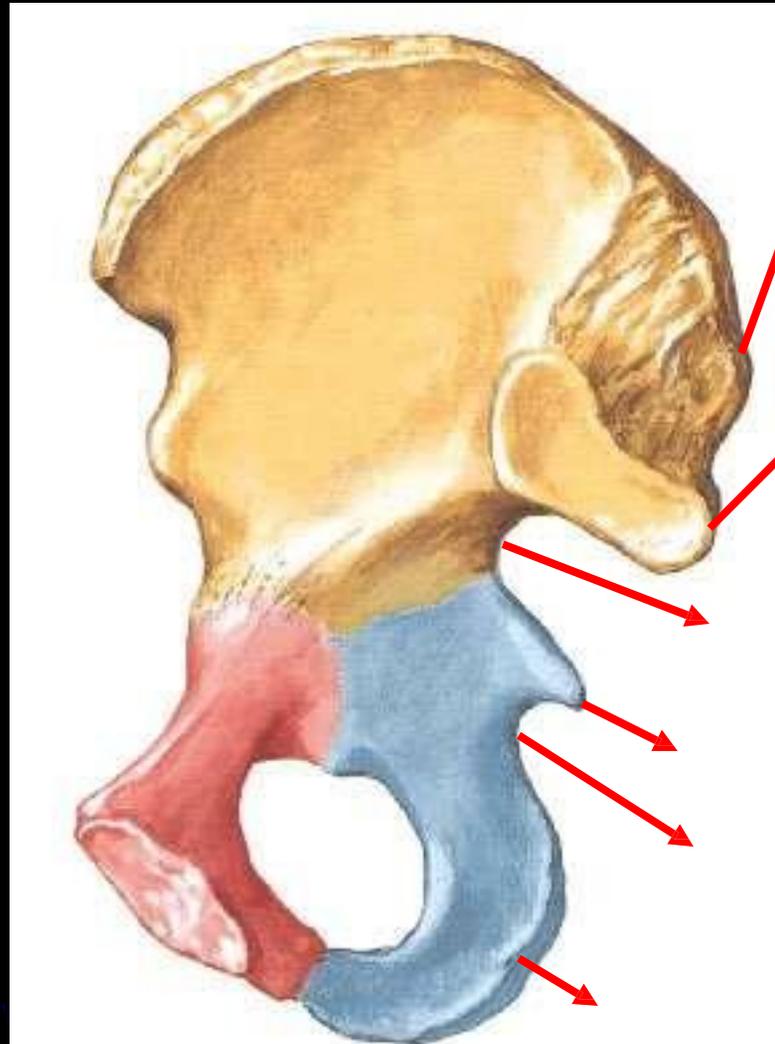


XƯƠNG CHẬU

1- XƯƠNG CHẬU:

1.2- MÔ TẢ:

BỜ SAU



GAI CHẬU SAU TRÊN

GAI CHẬU SAU DƯỚI

KHUYẾT NGỒI LỚN
GAI NGỒI

KHUYẾT NGỒI BÉ
Ụ NGỒI: nơi chịu trọng lực cơ thể khi ngồi

XƯƠNG CHẬU

1- XƯƠNG CHẬU:

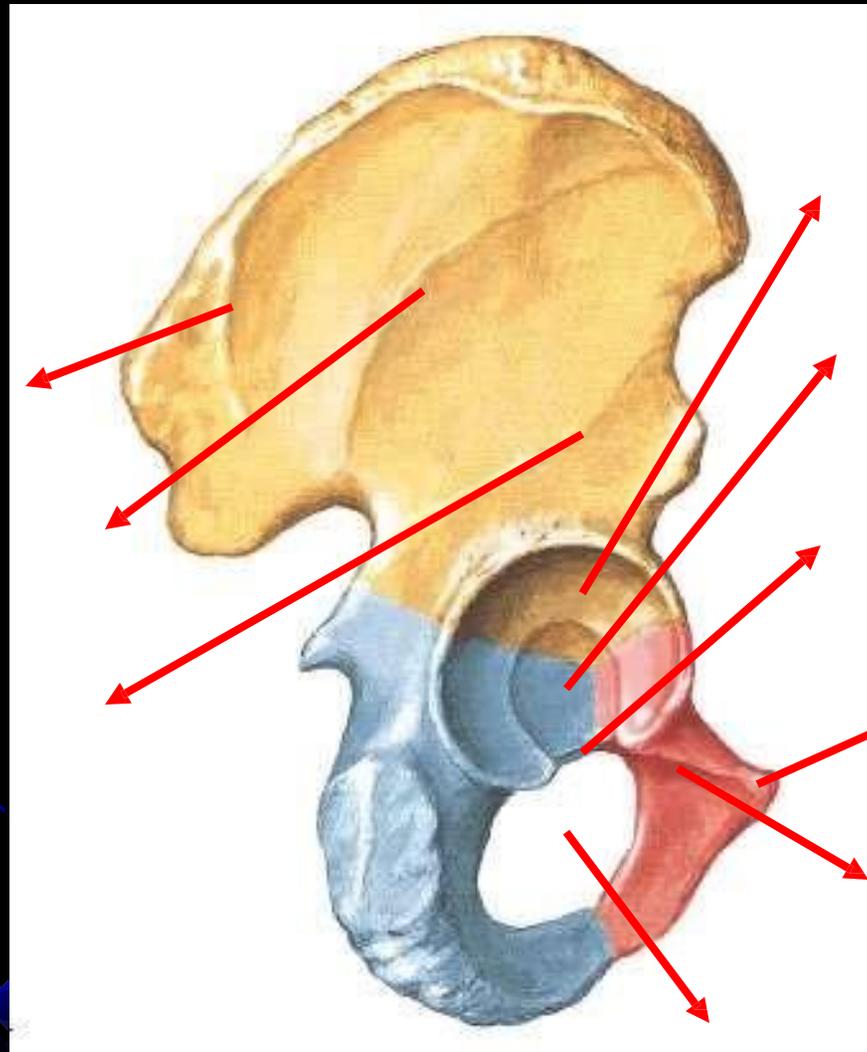
1.2- MÔ TẢ:

1.2.2- MẶT NGOÀI:

ĐƯỜNG MÔNG SAU

ĐƯỜNG MÔNG TRÊN

ĐƯỜNG MÔNG DƯỚI



DIỆN NGUYỆT

HỔ Ổ
CỐI

KHUYẾT Ổ CỐI

CỦ MU

MÀO BỊT

LỖ BỊT

XƯƠNG CHẬU

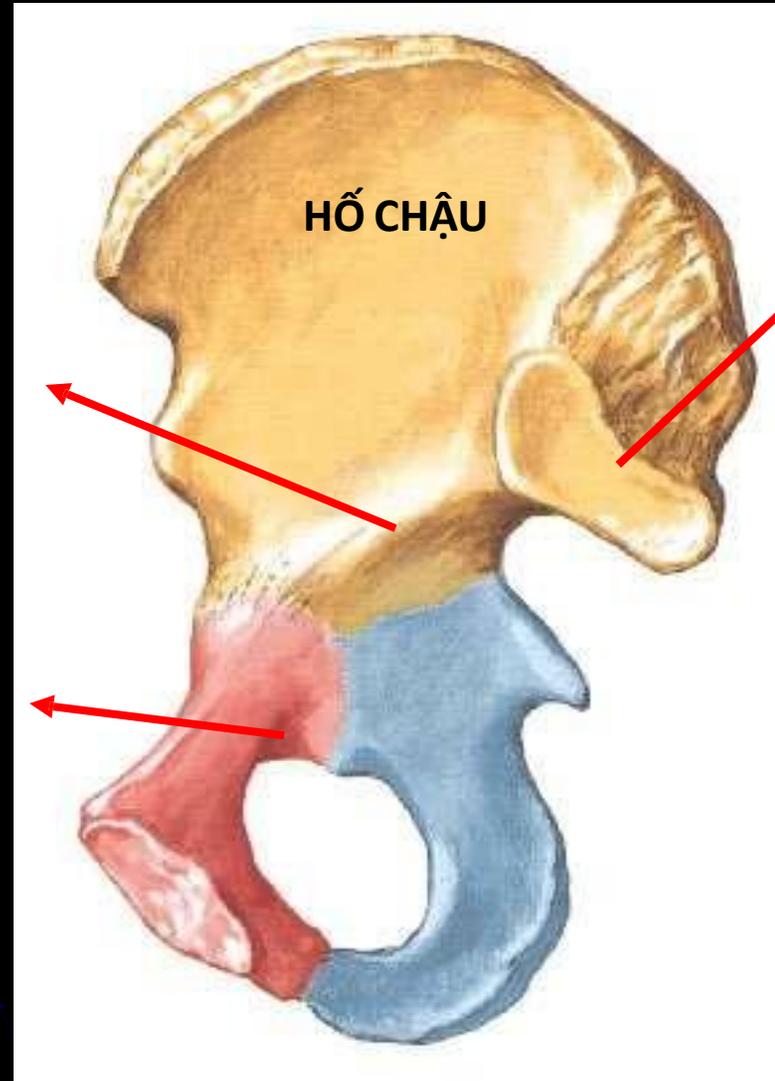
1- XƯƠNG CHẬU:

1.2- MÔ TẢ:

1.2.2- MẮT TRONG:

ĐƯỜNG CUNG

RÃNH BỊT



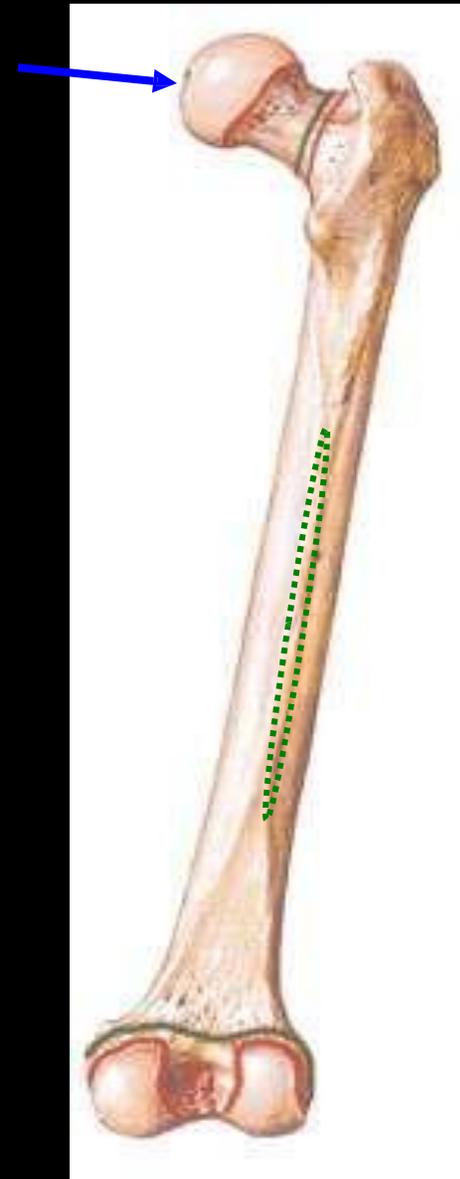
XƯƠNG CHI DƯỚI

2- XƯƠNG ĐÙI:

2.1- ĐỊNH HƯỚNG:

1 ĐẶT XƯƠNG ĐÚNG THẲNG,
ĐẦU TRÒN TO HƯỚNG LÊN TRÊN
VÀ VÀO TRONG

2 BỜ CÓ CẠNH SẮC HƯỚNG RA
SAU



XƯƠNG CHI DƯỚI

2- XƯƠNG ĐÙI:

2.2- MÔ TẢ:

2.2.1- THÂN XƯƠNG:

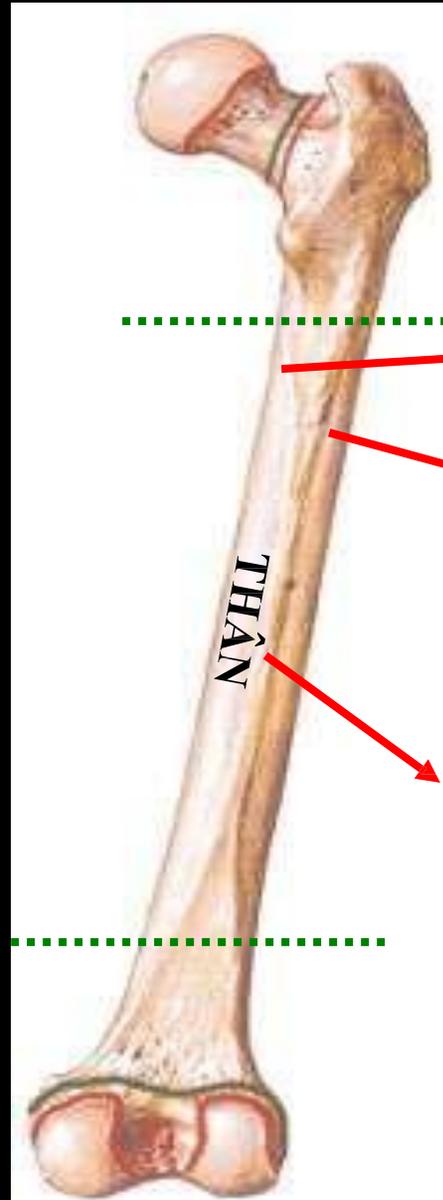
BỜ TRONG BỜ NGOÀI

MẶT TRƯỚC

MẶT TRONG

MẶT NGOÀI

BỜ SAU
ĐƯỜNG RÁP



ĐẦU TRÊN

MÉP TRONG

MÉP NGOÀI

ĐƯỜNG RÁP: nơi bám cơ

ĐẦU DƯỚI

XƯƠNG CHI DƯỚI

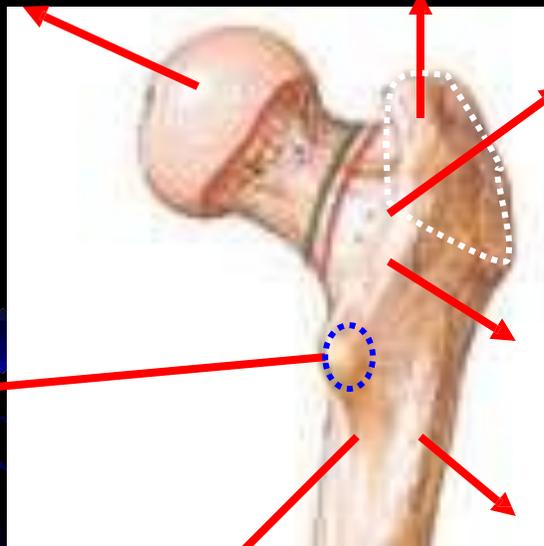
2- XƯƠNG ĐÙI:

2.2- MÔ TẢ:

2.2.2- ĐẦU TRÊN:

MẤU CHUYỂN LỚN:
nơi bám cơ xoay đùi

CHỎM



MẤU
CHUYỂN
BÉ

ĐƯỜNG LỰC

MẶT SAU

HỔ
GIAN
MẤU

MÀO
GIAN
MẤU

LỖI CỬ
CƠ
MÔNG

CỔ

HỔ CHỎM ĐÙI



ĐƯỜNG
GIAN
MẤU

MẶT TRƯỚC

XƯƠNG CHI DƯỚI

2- XƯƠNG ĐÙI:

2.2- MÔ TẢ:

2.2.3- ĐẦU DƯỚI:

MẶT TRƯỚC



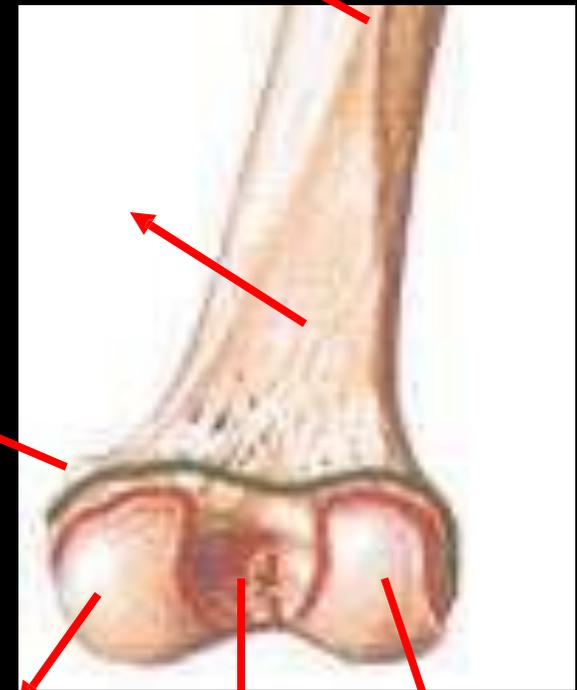
DIỆN BÁNH CHÈ

ĐƯỜNG RÁP

MẶT SAU

DIỆN KHOEO

CỦ CƠ KHÉP



LỖI CẦU TRONG

LỖI CẦU NGOÀI

HỔ GIÀN LỖI CẦU

XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

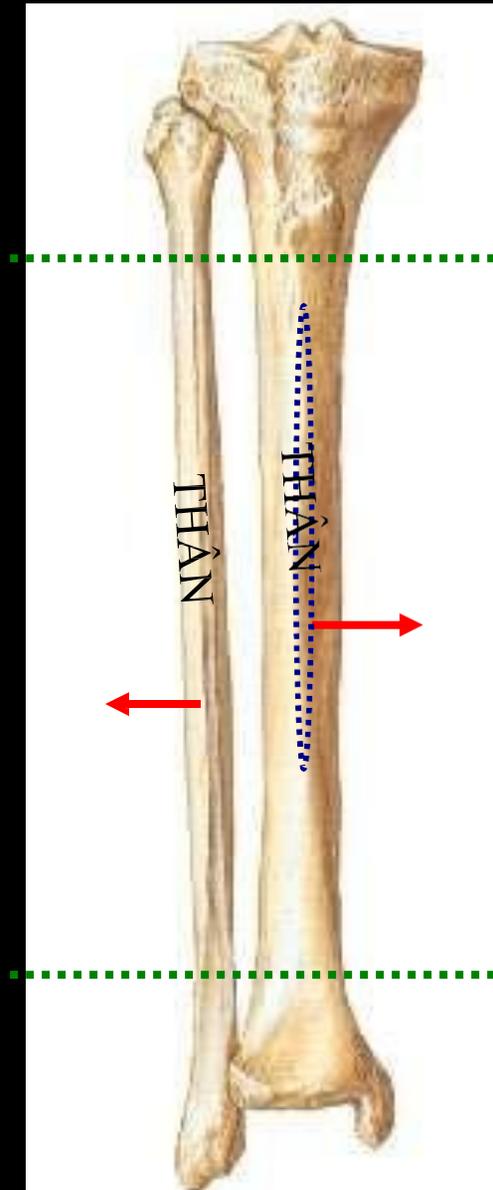
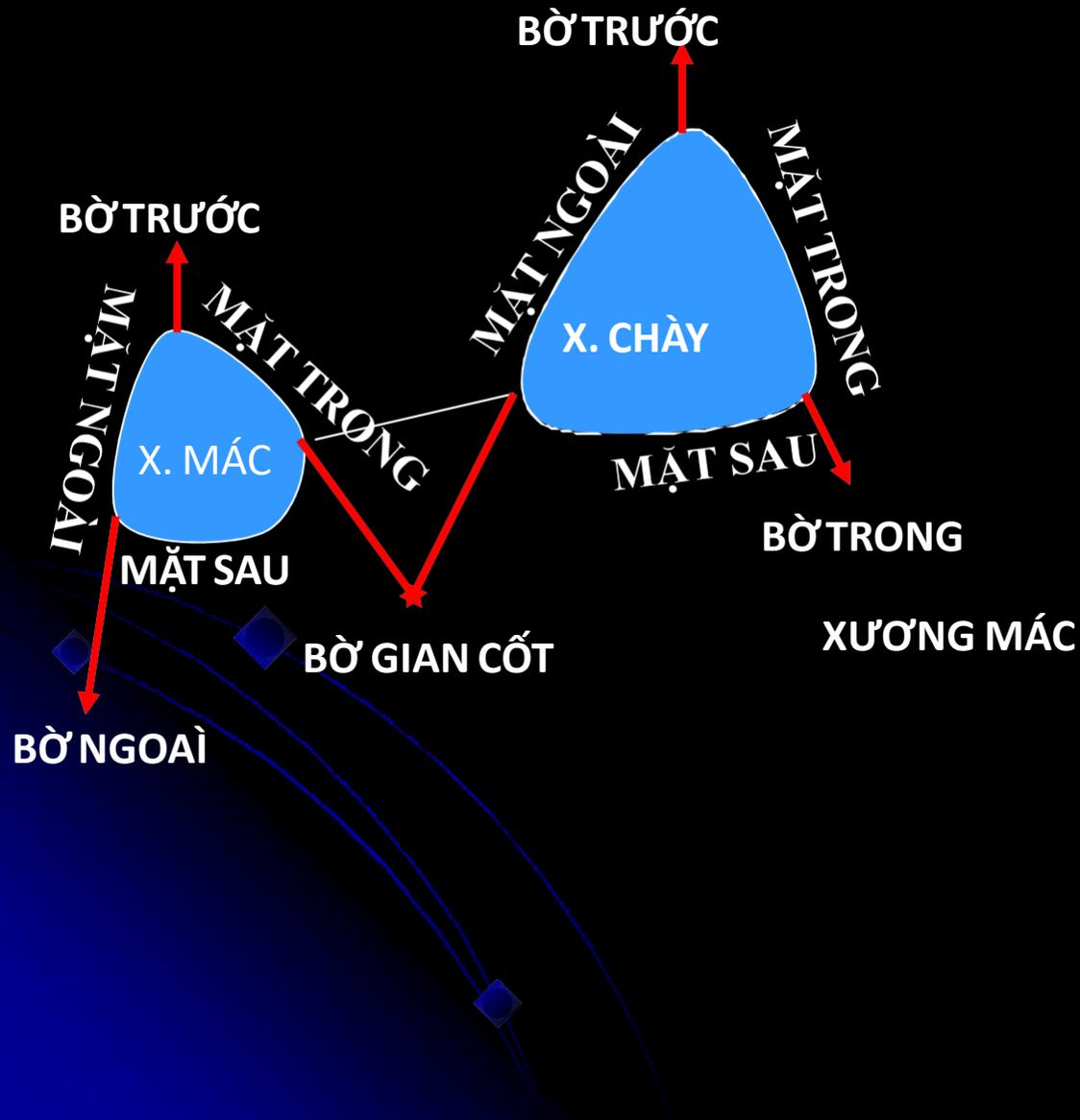
Xương bánh chè

- ❖ Còn gọi là xương vùng
- ❖ Dẹt hình tam giác
- ❖ Động tác duỗi căng chân.



XƯƠNG CHI DƯỚI

3- XƯƠNG CẰNG CHÂN:



ĐẦU
TRÊN

XƯƠNG
CHÀY

ĐẦU
DƯỚI

XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

Xương chày

- ❖ Là xương chính của cẳng chân, chịu gần toàn bộ sức nặng cơ thể từ trên dồn xuống.
- ❖ Là một xương dài có một thân và hai đầu.

Đầu trên:

- ❖ Loe rộng để đỡ lấy xương đùi.

XƯƠNG CHI DƯỚI

3.1- XƯƠNG CHÀY:

3.1.2- MÔ TẢ:

3.1.2.1- ĐẦU TRÊN:

LÒI CẦU NGOÀI



LÒI CỬ
GERDY

LÒI CẦU TRONG

DIỆN KHỚP
TRÊN TRONG

LÒI CỬ CHÀY

MẶT TRƯỚC

CỬ GIAN LÒI CẦU TRONG

CỬ GIAN LÒI CẦU NGOÀI

DIỆN KHỚP
TRÊN NGOÀI



DIỆN KHỚP
MÁC

MẶT SAU

XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

Xương chày

Đầu dưới gồm có:

- ❖ Mắt cá trong.
- ❖ Diện khớp dưới tiếp khớp diện trên của ròng rọc xương sên.
- ❖ Khuyết mác: ở mặt ngoài tiếp khớp đầu dưới xương mác.

XƯƠNG CHI DƯỚI

3.1- XƯƠNG CHÀY:

3.1.2- MÔ TẢ:

3.1.2.2- ĐẦU DƯỚI:



RÃNH NƠI BẮM
CƠ CHÀY SAU- CƠ
GẤP NGÓN CÁI
DÀI

KHUYẾT MÁC

DIỆN KHỚP DƯỚI

MẮT CÁ TRONG

MẶT TRƯỚC



DIỆN KHỚP MẮT CÁ

MẶT SAU

XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

Xương mác

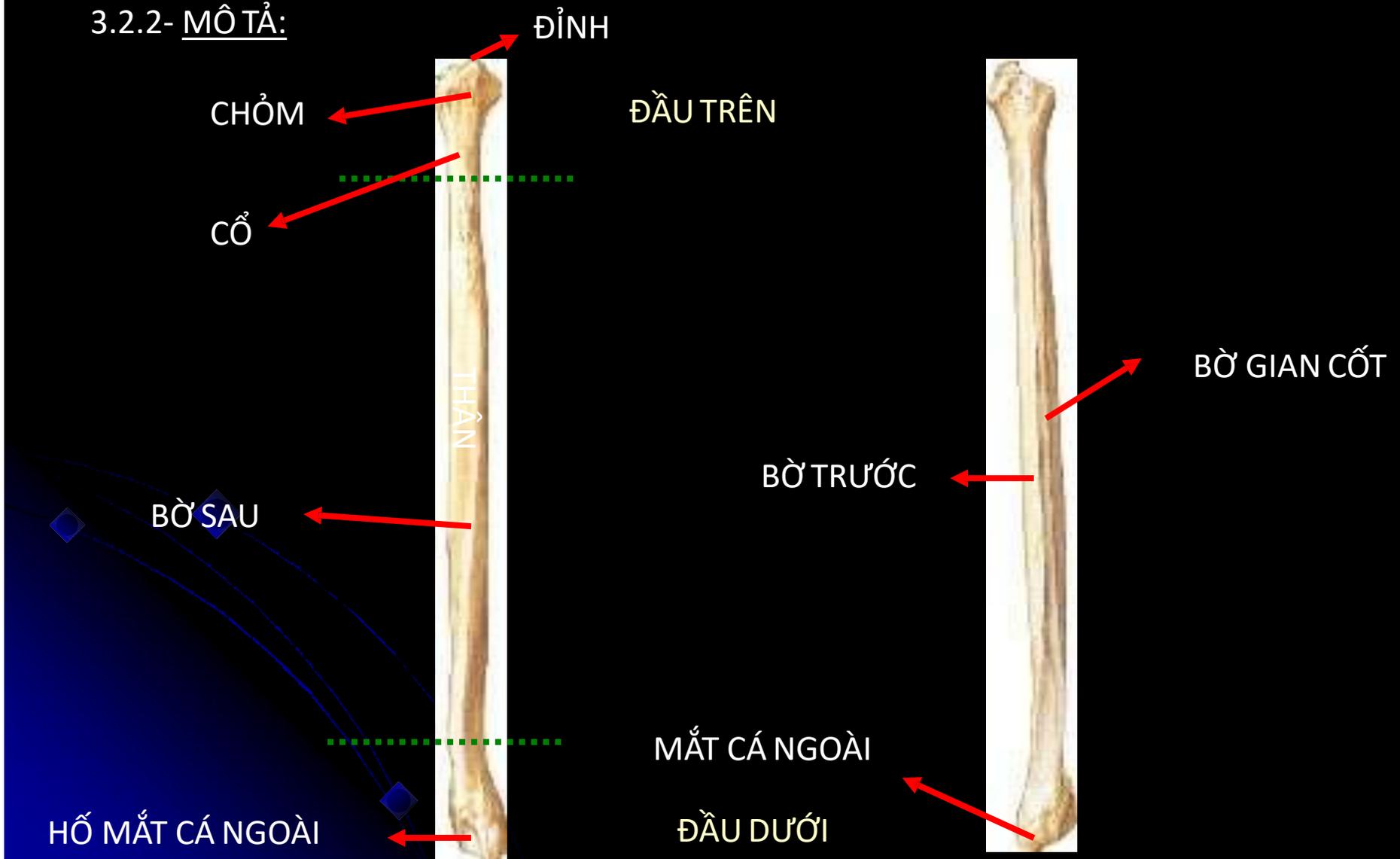
Xương mác là xương dài, mảnh nằm ngoài xương chày.

- ❖ *Đầu trên* : Còn gọi chỏm mác, tiếp khớp diện khớp mác xương chày, sờ được dưới da.
- ❖ *Đầu dưới* tạo thành mắt cá ngoài.

XƯƠNG CHI DƯỚI

3.2- XƯƠNG MÁC:

3.2.2- MÔ TẢ:



XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

Xương bàn chân

Gồm có:

- ❖ Các xương cổ chân.
- ❖ Các xương đốt bàn chân.
- ❖ Các xương đốt ngón chân.

XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

Xương bàn chân

Các xương cổ chân :

Gồm 7 xương sắp xếp thành hai hàng

- ❖ Hàng sau: có hai xương là xương sên và xương gót.
- ❖ Hàng trước: có 5 xương là xương ghe, xương hộp và ba xương chêm.A

XƯƠNG CHI DƯỚI

4- XƯƠNG CỔ CHÂN:

XƯƠNG GÓT

XƯƠNG SÊN

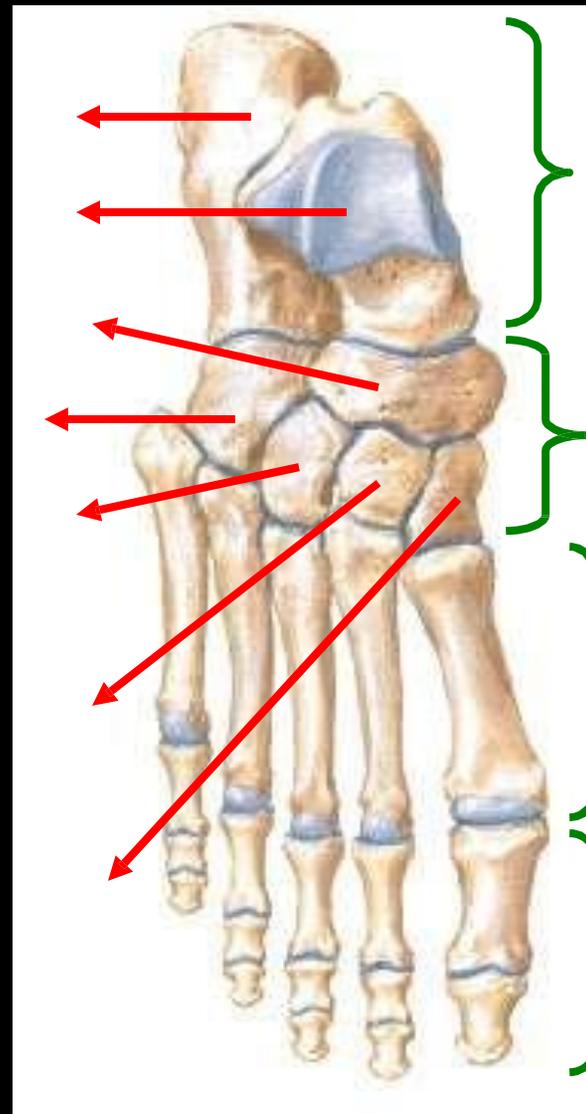
XƯƠNG GHE

XƯƠNG HỘP

XƯƠNG CHÊM NGOÀI

XƯƠNG CHÊM GIỮA

XƯƠNG CHÊM TRONG



HÀNG SAU

HÀNG TRƯỚC

XƯƠNG ĐỐT BÀN

XƯƠNG ĐỐT NGÓN

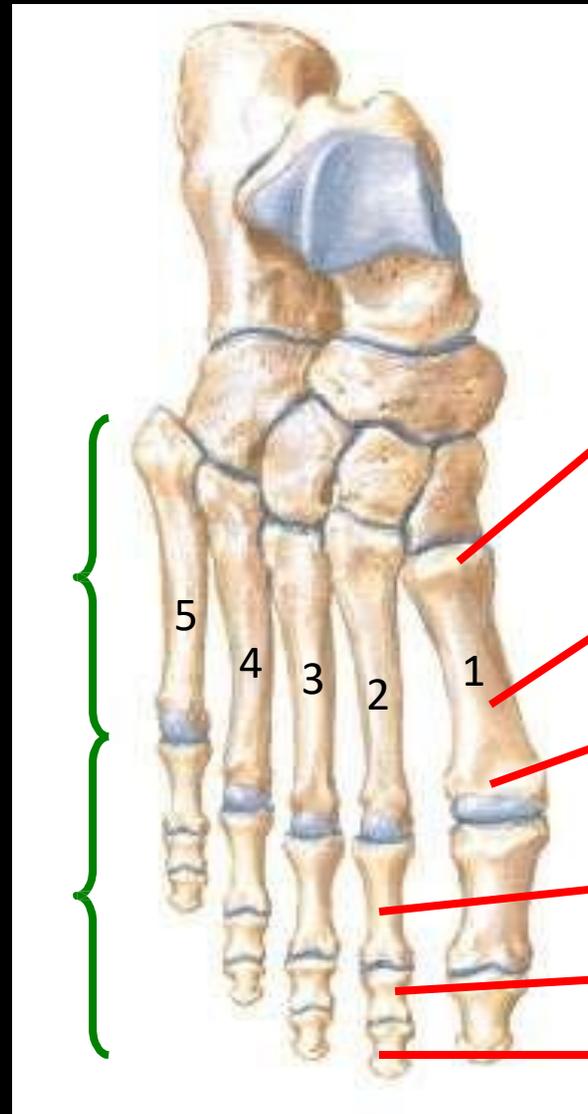
XƯƠNG KHỚP CHI DƯỚI

Xương bàn chân

- ❖ *Xương đốt bàn chân*: Có 5 xương đốt bàn kể từ trong ra ngoài là Xương đốt bàn I,... Đốt bàn V.
- ❖ *Các xương đốt ngón chân*: xương đốt ngón gần, giữa và đốt ngón xa. Ngoại trừ ngón I chỉ có hai xương là xương đốt ngón gần và đốt ngón xa.

XƯƠNG CHI DƯỚI

5- XƯƠNG BÀN CHÂN:A



XƯƠNG ĐỐT BÀN

XƯƠNG ĐỐT NGÓN

NỀN

THÂN

CHÓM

GẦN

GIỮA

XA

KHỚP HÔNG

DÂY CHẰNG NGOÀI BAO KHỚP:

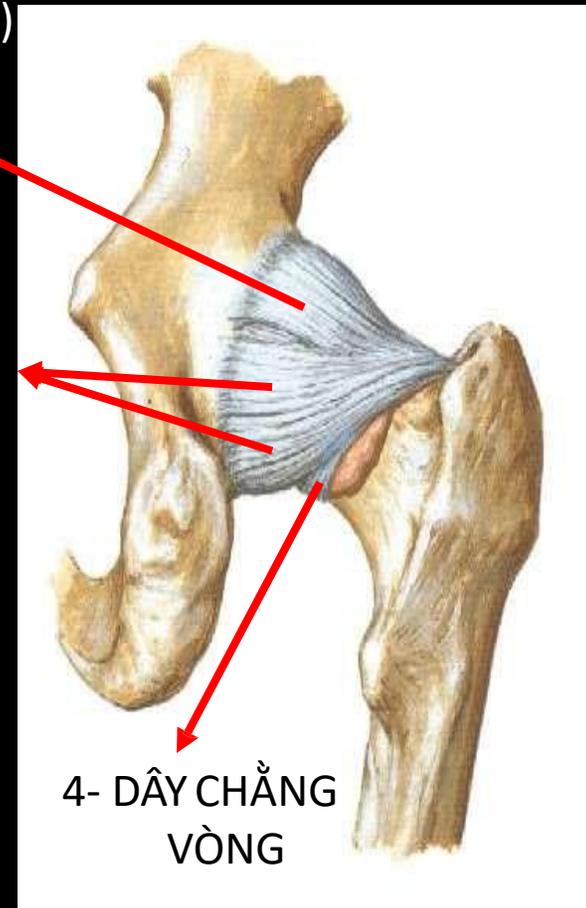
1- DÂY CHẰNG CHẬU ĐÙI
(D/C Bigelow chữ Y)



MẶT TRƯỚC

3- DÂY CHẰNG
NGỒI ĐÙI

2- DÂY CHẰNG
MU ĐÙI

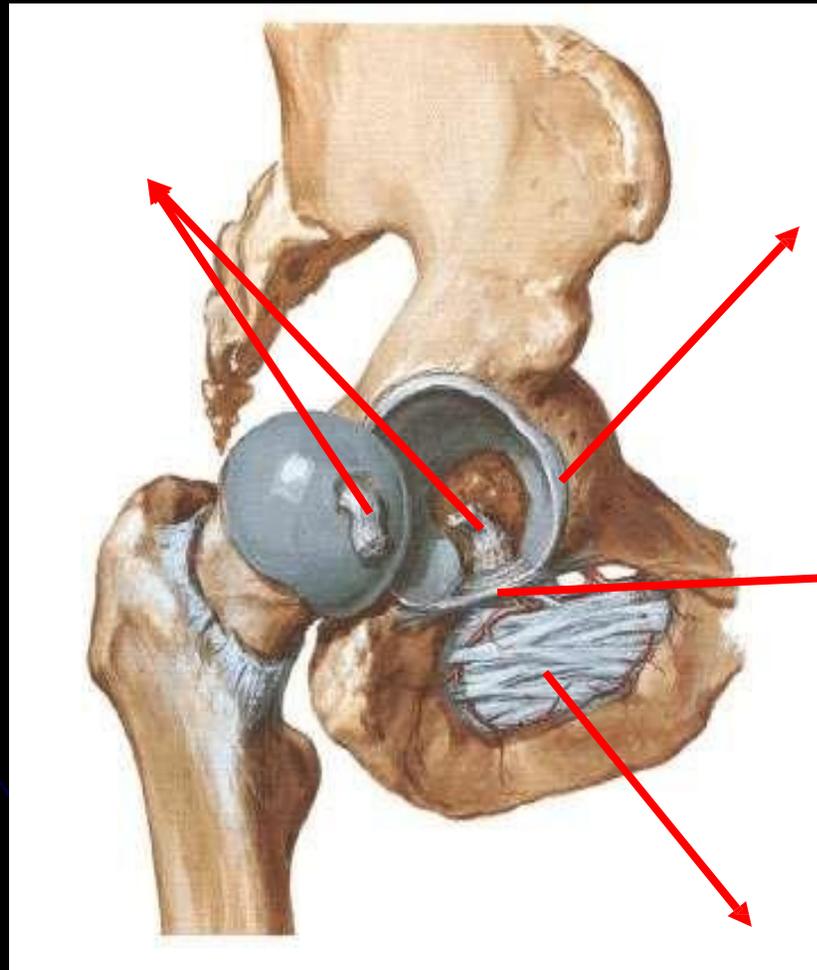


MẶT SAU

KHỚP HÔNG

DÂY CHẰNG TRONG BAO KHỚP:

D/C CHỞM ĐÙI



SỤN VIỀN

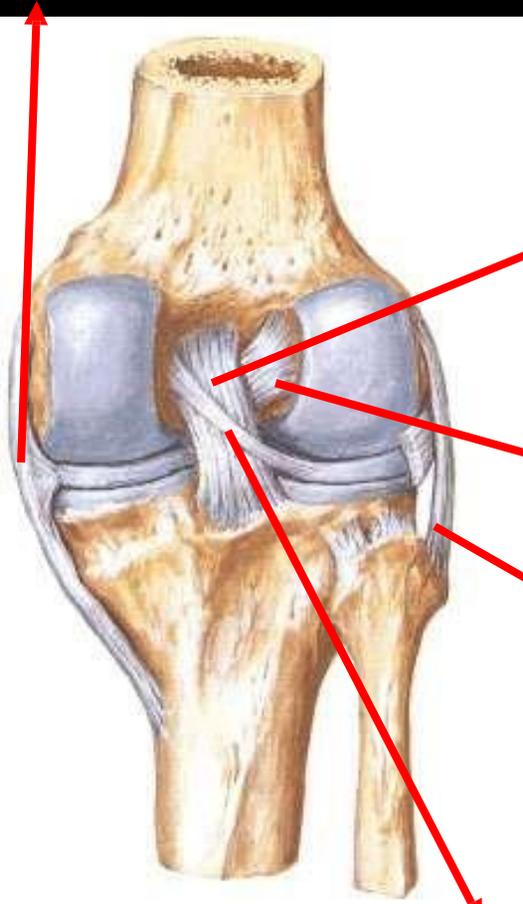
D/C NGANG Ổ CỐI

MÀNG BỊT

KHỚP GỐI

NHÓM DÂY CHẰNG BÊN- DÂY CHẰNG CHÉO:

DÂY CHẰNG BÊN CHÀY



DÂY CHẰNG
CHÉO SAU

DÂY CHẰNG
CHÉO TRƯỚC

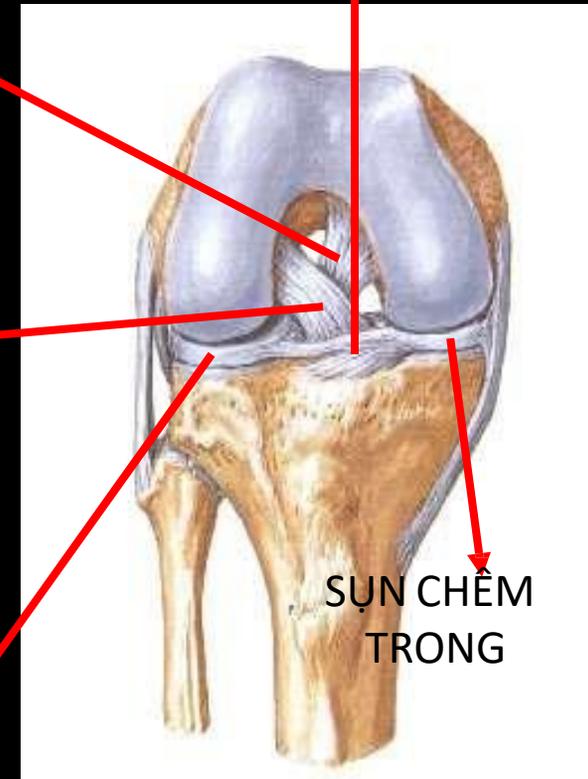
DÂY CHẰNG
BÊN MẮC

SỤN CHÊM NGOÀI

DÂY CHẰNG SỤN CHÊM- ĐÙI SAU

GỐI (P) DUỖI- NHÌN SAU

DÂY CHẰNG
NGANG GỐI



SỤN CHÊM
TRONG

GỐI (P) GẤP- NHÌN TRƯỚC

KHỚP GỐI

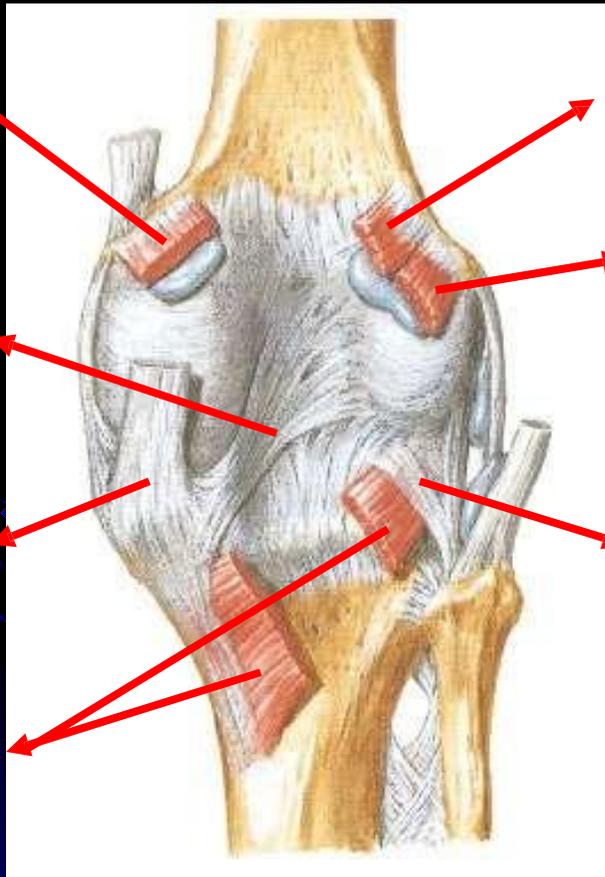
NHÓM DÂY CHẰNG SAU- NHÓM DÂY CHẰNG TRƯỚC:

ĐẦU
TRONG CƠ
BỤNG
CHÂN

DÂY
CHẰNG
KHOEO
CHÉO

GÂN CƠ
BÁN
MÀNG

CƠ KHO



GỐI (P) DUỖI- NHÌN SAU

MẠC GIỮ BÁNH
CHÈ NGOÀI

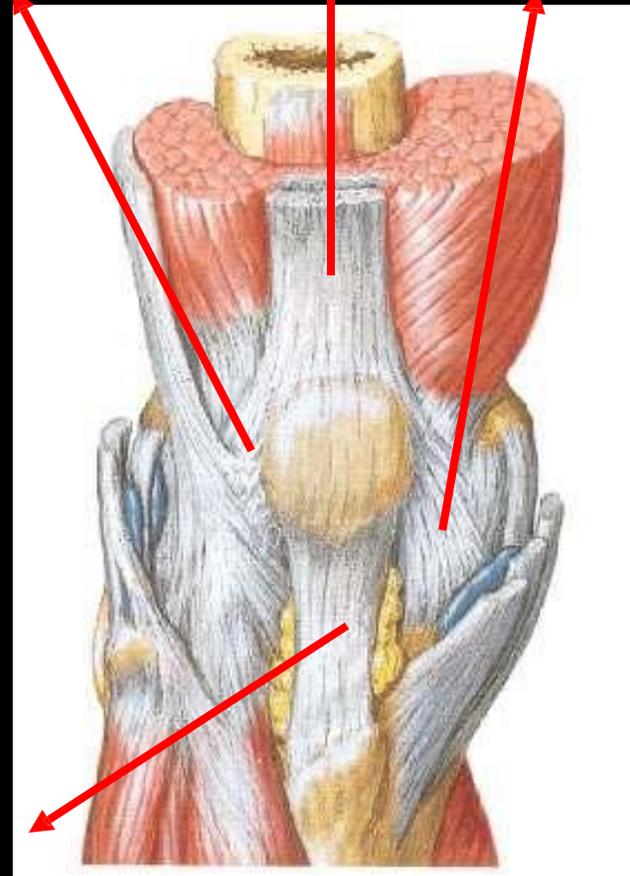
CƠ GAN CHÂN

ĐẦU
NGOÀI CƠ
BỤNG
CHÂN

DÂY CHẰNG
CUNG

D/C BÁNH CHÈ

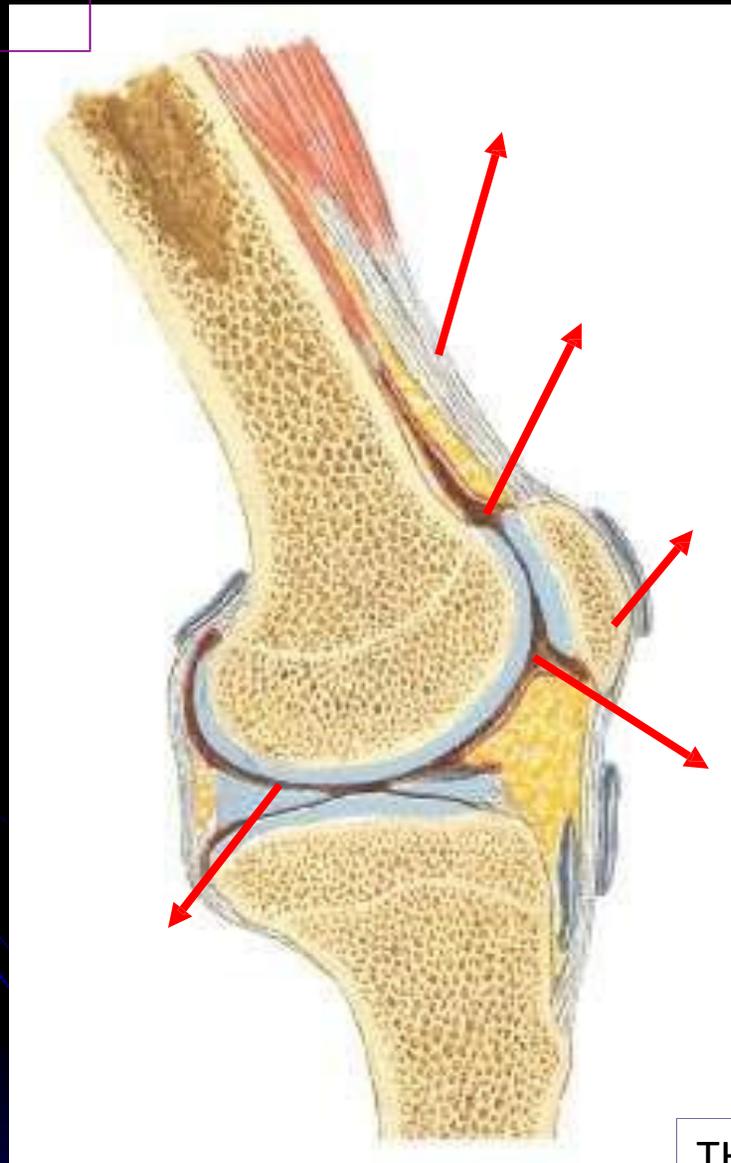
GÂN CƠ TỨ ĐẦU MẠC
GIỮ BÁNH
CHÈ TRONG



GỐI (P) DUỖI- NHÌN TRƯỚC

KHỚP GỐI

BAO HOẠT DỊCH:



GÂN CƠ TỨ ĐẦU

BAO HOẠT DỊCH

X. BÁNH CHÈ

Ổ KHỚP

THIẾT ĐỒ ĐỨNG CẬN DẠC GIỮA